

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG



TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở

0 GIỜ NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2009

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ

HÀ NỘI, 8 - 2009

BAN CHỈ ĐẠO
TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

TỔNG ĐIỀU TRA
DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở

0 GIỜ NGÀY 01 THÁNG 4 NĂM 2009

**QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN
VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ**

HÀ NỘI, 8 - 2009





LỜI GIỚI THIỆU

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 được tiến hành vào thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 theo Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc Tổng điều tra dân số lần thứ tư và điều tra nhà ở lần thứ ba tiến hành ở nước ta kể từ khi nước nhà thống nhất vào năm 1975. Mục đích của cuộc Tổng điều tra là thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phục vụ công tác kế hoạch hoá phát triển đất nước.

Công tác chuẩn bị của cuộc Tổng điều tra được khởi động từ khá sớm. Bắt đầu bằng việc tổ chức hội thảo người dùng tin vào ngày 09 tháng 10 năm 2006. Tiếp theo, ngày 3 tháng 8 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg về việc chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở vào 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009. Thực hiện Chỉ thị này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương liên quan khẩn trương triển khai các công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra. Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị số 27-CT/TW về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Công tác điều tra thu thập số liệu được tiến hành từ ngày 01 đến ngày 20 tháng 4 năm 2009. Gần 30 vạn người được tuyển chọn làm điều tra viên, tổ trưởng điều tra và giám sát viên. Các điều tra viên đến từng hộ dân cư trong cả nước để phỏng vấn và ghi phiếu điều tra. Từ phiếu điều tra đã tổng hợp được kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra, bao gồm tổng số dân, số nam và số nữ; dân số thành thị và nông thôn của từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Số liệu điều tra mẫu 15% tổng dân số được xử lý ngay sau khi kết thúc điều tra và sẽ được công bố vào cuối năm 2009. Toàn bộ số liệu cuộc Tổng điều tra sẽ được tổng hợp xong vào giữa năm 2010.

Nhằm cung cấp kịp thời các kết quả sơ bộ và những thông tin cơ bản về cuộc Tổng điều tra tới các đối tượng sử dụng thông tin, trên cơ sở kết quả tổng hợp sơ bộ, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương biên soạn và xuất bản báo cáo đầu tiên về cuộc

Tổng điều tra với tên gọi "Tổng điều tra dân số và nhà ở 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009: Quá trình thực hiện và kết quả sơ bộ". Báo cáo gồm 2 phần:

Phần I: Quá trình thực hiện cuộc Tổng điều tra

Phần II: Kết quả sơ bộ

Nội dung trình bày trong cả hai phần cho thấy cuộc Tổng điều tra đã thành công tốt đẹp. Kết quả này trước hết là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị; sự chỉ đạo điều hành có hiệu quả của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra của các cấp, các ngành; đồng thời là kết quả làm việc cần cù của các điều tra viên, tổ trưởng điều tra, giám sát viên và sự ủng hộ tích cực của nhân dân trong cả nước. Thành công của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở lần này còn có sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và các tổ chức quốc tế khác tại Việt Nam. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ to lớn và có hiệu quả nói trên.

Kết quả của Tổng điều tra sẽ phục vụ thiết thực cho công tác đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2001 đến năm 2010, xây dựng kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020 của cả nước cũng như của từng địa phương; đồng thời cũng rất hữu ích đối với các hoạt động nghiên cứu và triển khai khác, vì sự phồn vinh của đất nước và hạnh phúc của nhân dân.



Võ Hồng Phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



MỤC LỤC

Lời giới thiệu.....	III
Bản đồ Việt Nam	VI
Những chỉ tiêu chủ yếu về dân số của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.....	VII

Phần I: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA

1. Công tác chuẩn bị và lập kế hoạch Tổng điều tra.....	1
2. Công tác tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra	8
3. Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra.....	12
4. Xử lý và tổng hợp số liệu.....	19
5. Đánh giá và thẩm định kết quả.....	21
6. Kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra	24

Phần II: KẾT QUẢ SƠ BỘ

1. Kết quả sơ bộ về tổng số dân.....	25
2. Phân bố dân số và tỷ lệ tăng dân số theo vùng kinh tế - xã hội.....	26
3. Dân số thành thị và nông thôn	29
4. Tỷ số giới tính	30

Phụ lục

Phụ lục 1: Dân số chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và đơn vị hành chính, 1/4/2009.....	33
Phụ lục 2: Tỷ lệ tăng dân số, tỷ số giới tính, mật độ dân số và tỷ lệ dân số thành thị, 1999 và 2009	35
Phụ lục 3: Phiếu điều tra	37

BẢN ĐỒ VIỆT NAM

V1. Trung du và miền núi phía Bắc

1. Hà Giang
2. Cao Bằng
3. Bắc Kạn
4. Tuyên Quang
5. Lào Cai
6. Điện Biên
7. Lai Châu
8. Sơn La
9. Yên Bái
10. Hoà Bình
11. Thái Nguyên
12. Lạng Sơn
13. Bắc Giang
14. Phú Thọ

V2. Đồng bằng sông Hồng

5. Hà Nội
16. Quảng Ninh
17. Vĩnh Phúc
18. Bắc Ninh
19. Hải Dương
20. Hải Phòng
21. Hưng Yên
22. Thái Bình
23. Hà Nam
24. Nam Định
25. Ninh Bình

V3. Bắc Trung Bộ và DH miền Trung

26. Thanh Hoá
27. Nghệ An
28. Hà Tĩnh
29. Quảng Bình
30. Quảng Trị
31. Thừa Thiên Huế
32. Đà Nẵng
33. Quảng Nam
34. Quảng Ngãi
35. Bình Định
36. Phú Yên
37. Khánh Hoà
38. Ninh Thuận
39. Bình Thuận

V4. Tây Nguyên

40. Kon Tum
41. Gia Lai
42. Đắk Lắk
43. Đắk Nông
44. Lâm Đồng

V5. Đông Nam Bộ

45. Bình Phước
46. Tây Ninh
47. Bình Dương
48. Đồng Nai
49. Bà Rịa-Vũng Tàu
50. TP Hồ Chí Minh

V6. Đồng bằng sông Cửu Long

- | | | |
|----------------|----------------|---------------|
| 51. Long An | 55. Vĩnh Long | 60. Hậu Giang |
| 52. Tiền Giang | 56. Đồng Tháp | 61. Sóc Trăng |
| 53. Bến Tre | 57. An Giang | 62. Bạc Liêu |
| 54. Trà Vinh | 58. Kiên Giang | 63. Cà Mau |
| | 59. Cần Thơ | |





NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ DÂN SỐ CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009

TỔNG SỐ DÂN CÓ ĐẾN 0 GIỜ NGÀY 01/4/2009 (NGƯỜI)	
Tổng số	85 789 573
Nam	42 482 549
Nữ	43 307 024
Tỷ số giới tính (số nam/ 100 nữ)	98,1
Số dân thành thị	25 374 262
Số dân nông thôn	60 415 311
Phần trăm dân số thành thị (%)	29,6

TỶ LỆ TĂNG DÂN SỐ BÌNH QUÂN NĂM (%), 1999-2009	
Cả nước	1,2
Khu vực thành thị	3,4
Khu vực nông thôn	0,4
Trung du và miền núi phía Bắc	1,0
Đồng bằng sông Hồng	0,9
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	0,4
Tây Nguyên	2,3
Đông Nam bộ	3,2
Đồng bằng sông Cửu Long	0,6





PHẦN 1: QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CUỘC TỔNG ĐIỀU TRA

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 được thực hiện theo Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là cuộc Tổng điều tra dân số lần thứ tư và điều tra nhà ở lần thứ ba tiến hành ở nước ta kể từ khi nước nhà thống nhất vào năm 1975. Cuộc Tổng điều tra nhằm thu thập số liệu cơ bản về dân số và nhà ở trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phục vụ công tác nghiên cứu, phân tích quá trình phát triển dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước và từng địa phương, đáp ứng nhu cầu thông tin, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2001 đến năm 2010 và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020, phục vụ công tác giám sát thực hiện mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết.

So với các cuộc Tổng điều tra trước đây, cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 có phạm vi rộng hơn và quy mô dân số lớn hơn. Cuộc Tổng điều tra đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Đồng thời, Tổng điều tra dân số và nhà ở lần này kế thừa và phát huy kinh nghiệm của các cuộc Tổng điều tra dân số trước, đặc biệt là của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1989 và 1999. Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA) đã hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho một số hoạt động quan trọng của Tổng điều tra. Đây là lần thứ ba UNFPA hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho Tổng điều tra của Việt Nam.

1. Công tác chuẩn bị và lập kế hoạch Tổng điều tra

1.1 Xây dựng kế hoạch Tổng điều tra

Công tác chuẩn bị của cuộc Tổng điều tra được khởi động từ khá sớm. Bắt đầu bằng việc tổ chức hội thảo người dùng tin vào ngày 9 tháng 10 năm 2006.

Trên cơ sở nhu cầu dùng tin, các chỉ tiêu điều tra đã được dự thảo. Căn cứ vào nhu cầu dùng tin, hai nội dung mới của Tổng điều tra được đề xuất và áp dụng. Một là, điều tra mẫu với cỡ mẫu 15% để mở rộng nội dung điều tra, suy rộng cho cấp huyện, đồng thời giảm chi phí. Cỡ mẫu của Tổng điều tra 1989 và 1999 tương ứng là 5% và 3%, chỉ đại diện cho cấp

tính. Hai là, áp dụng công nghệ nhận biết ký tự thông minh (scanning) để nhập số liệu thay vì dùng công nghệ truyền thống nhập tin từ bàn phím. Công nghệ này có nhiều lợi thế về mặt kỹ thuật, nhưng đây cũng là một thách thức lớn đối với Tổng cục Thống kê, vì công nghệ này đòi hỏi chất lượng ghi phiếu điều tra phải tốt hơn, rõ ràng hơn và bảo quản phiếu phải cẩn trọng hơn. Hai nội dung mới này đòi hỏi công tác chuẩn bị phải được tiến hành một cách tỉ mỉ hơn, nhất là việc thử nghiệm công nghệ mới.

Để chuẩn bị tốt cho cuộc Tổng điều tra, ngày 3 tháng 8 năm 2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg về việc chuẩn bị Tổng điều tra dân số và nhà ở vào 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009. Theo tinh thần của Chỉ thị này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khẩn trương triển khai các công tác chuẩn bị cho cuộc Tổng điều tra.

Với sự trợ giúp kỹ thuật và tài chính của Quỹ Dân số Liên hợp quốc¹, Tổng cục Thống kê đã xây dựng kế hoạch Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, kế hoạch tuyên truyền cho Tổng điều tra. Ngay từ đầu năm 2008, hai cuốn sách về tài liệu tuyên truyền đã in ấn và phát hành tới các Bộ, Ngành liên quan và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tiếp theo, phiếu và các tài liệu điều tra được thiết kế và tiến hành thử nghiệm ba lần trước điều tra tổng duyệt. Sau mỗi lần điều tra thử và điều tra tổng duyệt, đã tổ chức hội thảo nhằm đánh giá các hoạt động đó và rút kinh nghiệm cho lần sau. Phiếu của điều tra thử lần thứ ba và của điều tra tổng duyệt được dùng để thử nghiệm công nghệ nhận biết ký tự thông minh.

Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Ngày 16 tháng 10 năm 2008, Ban Bí Thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 27-CT/TW về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

Tiếp sau, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã được thành lập để triển khai thực hiện phương án Tổng điều tra, ban hành theo Quyết định số 09/QĐ-BCĐTW ngày 10 tháng 10 năm 2008.

¹ Trong chu kỳ 7 (2006-2010), Quỹ Dân số Liên hợp quốc hỗ trợ Tổng cục Thống kê thông qua Dự án VNM7PG0008 bằng nguồn vốn ODA, trong đó phần lớn các hoạt động là trợ giúp kỹ thuật cho Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.



1.2 Xác định đối tượng, đơn vị và phương pháp điều tra

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 tiến hành điều tra tất cả người Việt Nam thường xuyên cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có đến thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009; người Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép xuất cảnh ra nước ngoài trong thời hạn quy định; các trường hợp chết (của hộ) đã xảy ra từ ngày 01 Tết Mậu Tý (ngày 07 tháng 2 năm 2008 theo Dương lịch) đến ngày 31 tháng 3 năm 2009; nhà ở của hộ dân cư.

Điều tra dân số và điều tra nhà ở được tiến hành đồng thời với đơn vị điều tra là hộ. Hộ bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 2 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Chủ hộ là người cung cấp thông tin chính. Đối với những thông tin mà chủ hộ không nắm chắc, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp đối tượng điều tra. Riêng các thông tin về lao động-việc làm, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp đối tượng điều tra từ 15 tuổi trở lên; các câu hỏi về sinh đẻ, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (từ 15 đến 49 tuổi) để xác định thông tin. Đối với các thông tin về nhà ở, điều tra viên phỏng vấn trực tiếp người cung cấp thông tin và/hoặc kết hợp với quan sát trực tiếp để xác định.

Như trên đã nêu, Tổng điều tra dân số và nhà ở là cuộc điều tra toàn bộ. Tuy nhiên, nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của các đối tượng sử dụng khác nhau, cuộc Tổng điều tra này còn sử dụng phương pháp điều tra chọn mẫu. Mẫu điều tra được thiết kế nhằm: (1) mở rộng nội dung điều tra; (2) nâng cao chất lượng điều tra, nhất là đối với những câu hỏi nhạy cảm và phức tạp; và (3) tiết kiệm kinh phí tổng điều tra. Để nâng cao hiệu quả và độ tin cậy của số liệu Tổng điều tra, quy mô mẫu là 15% tổng số dân của cả nước. Mẫu của cuộc Tổng điều tra là loại mẫu chùm cả khối, được thiết kế theo phương pháp phân tầng-hệ thống một giai đoạn. Việc chọn mẫu được thực hiện theo hai bước: *Bước 1*, chọn phân tầng để xác định quy mô mẫu của từng huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh. *Bước 2*, chọn độc lập và hệ thống từ dàn mẫu địa bàn của mỗi huyện/quận/thị xã/thành phố trực thuộc tỉnh để xác định các địa bàn điều tra cụ thể.

1.3 Nội dung điều tra

Nội dung điều tra được thể hiện trên hai loại phiếu điều tra: phiếu điều tra toàn bộ (*phiếu ngắn*) và phiếu điều tra mẫu (*phiếu dài*).

Nội dung điều tra toàn bộ

a) Về dân số:

- Các thông tin cá nhân (họ và tên, giới tính, tháng năm sinh/tuổi);
- Quan hệ với chủ hộ;
- Tình hình đi học hiện nay;
- Trình độ học vấn;
- Dân tộc và tôn giáo;
- Tình trạng biết đọc và biết viết.

b) Về nhà ở:

- Tình trạng nhà ở hiện tại;
- Kết cấu nhà và loại vật liệu xây dựng chính;
- Quy mô diện tích nhà ở;
- Năm đưa vào sử dụng.

Nội dung điều tra chọn mẫu

Ngoài các thông tin như trong phiếu điều tra toàn bộ, phiếu điều tra mẫu còn có thêm các thông tin sau đây:

a) Về dân số:

- Nơi thường trú cách đây 5 năm;
- Tình trạng khuyết tật;
- Tình trạng hôn nhân;
- Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất đã được đào tạo;
- Tình trạng hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua.



b) Về tình hình sinh đẻ của phụ nữ từ 15 đến 49 tuổi:

- Tình hình sinh con;
- Số con đã sinh, số con còn sống và số con đã chết;
- Tháng, năm sinh và số con trai, số con gái của lần sinh gần nhất.

c) Về người chết:

- Tình hình tử vong của hộ;
- Thông tin cá nhân của người chết;
- Nguyên nhân chết và chết do thai sản.

d) Về nhà ở:

- Tình hình sử dụng phòng ở;
- Tình trạng sở hữu nhà ở;
- Loại nhiên liệu chính để thắp sáng và nấu ăn;
- Nguồn nước chính sử dụng để ăn uống;
- Loại hố xí đang sử dụng;
- Một số tiện nghi sinh hoạt cơ bản của hộ dân cư.

1.4 Điều tra thí điểm và điều tra tổng duyệt

Phiếu điều tra và các tài liệu Tổng điều tra đã được thử nghiệm qua ba lần điều tra thí điểm và một lần tổng duyệt trước khi áp dụng chính thức cho cuộc Tổng điều tra.

Ba cuộc điều tra thí điểm được tiến hành để hoàn thiện phương án điều tra, phiếu điều tra và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ khác tại 6 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Trị, thành phố Hồ Chí Minh và Bến Tre.

Tháng 8 và tháng 9 năm 2008 đã tiến hành thành công cuộc điều tra tổng duyệt tại 48 địa bàn của 4 tỉnh (mỗi tỉnh 12 địa bàn) đại diện cho các vùng miền, bao gồm: Yên Bái đại diện cho Trung du và miền núi phía Bắc; Nam Định đại diện cho Đồng bằng sông Hồng; Quảng Bình đại diện cho Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và Tây Nguyên; Tiền Giang đại diện cho Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các Bộ, Ngành liên quan đã cử cán bộ tham gia các cuộc điều tra thí điểm và điều tra tổng duyệt. Kết quả của các cuộc điều tra này cùng với những kinh nghiệm đúc rút được đã làm cơ sở cho việc hoàn thiện phương án điều tra, phiếu điều tra, quy trình điều tra và các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ về thu thập, xử lý, tổng hợp kết quả Tổng điều tra.

1.5 Vẽ sơ đồ và lập bảng kê số nhà, số hộ, số người

Tổng điều tra dân số và nhà ở được coi là thành công khi mọi người dân đều được điều tra và mỗi người chỉ được điều tra tại một địa chỉ cụ thể. Để đạt được tiêu chuẩn này, cần phải có hệ thống bản đồ các đơn vị hành chính, sơ đồ và bảng kê số nhà, số hộ, số người của các địa bàn điều tra được cập nhật đầy đủ đến sát thời điểm điều tra. Đây là hoạt động rất quan trọng vì sơ đồ và bảng kê là cơ sở để phân bổ nguồn lực Tổng điều tra, hướng dẫn điều tra viên tiếp cận các hộ không trùng, sót để thu thập thông tin, phân phối tài liệu điều tra, phiếu điều tra và văn phòng phẩm phục vụ Tổng điều tra.

Ban Chỉ đạo điều tra các cấp đã tiến hành rà soát và phân định ranh giới lãnh thổ hành chính giữa các xã/phường/thị trấn; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh và tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nhằm phát hiện những nơi có hộ và nhân khẩu cư trú thường xuyên nhưng chưa rõ thuộc đơn vị hành chính nào quản lý để phục vụ công tác vẽ sơ đồ, lập bảng kê và phân công trách nhiệm điều tra.

Công tác tập huấn vẽ sơ đồ, lập bảng kê được tiến hành theo hai cấp. Trong tháng 10 năm 2008, Ban Chỉ đạo Trung ương đã đồng thời mở hai lớp tập huấn cho giảng viên cấp tỉnh. Một lớp tại Hà Nội cho các tỉnh/thành phố phía Bắc và một lớp tại thành phố Hồ Chí Minh cho các tỉnh phía Nam. Từ đó, giảng viên tỉnh/thành phố khẩn trương tập huấn trực tiếp cho cán bộ vẽ sơ đồ và lập bảng kê. Tập huấn hai cấp nâng cao chất lượng công tác đào tạo. Đa số các tỉnh/thành phố đã tuân thủ theo hướng dẫn tập huấn hai cấp. Tuy nhiên, do số lượng học viên đông và quỹ thời gian ngắn, có một số tỉnh/thành phố đã chủ động tập huấn ba cấp, tức là thêm một cấp giảng viên cấp tỉnh tập huấn cho giảng viên cấp huyện, đến lượt mình, giảng viên cấp huyện tập huấn cho cán bộ cấp dưới vẽ sơ đồ và lập bảng kê.

Công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê được triển khai ngay sau khi kết thúc tập huấn. Trong công tác này, một số tỉnh/thành phố đã sử dụng hệ thống bản đồ số hoá của Bộ Tài



nguyên và Môi trường làm cơ sở. Ngay từ giai đoạn đầu của bước chuẩn bị, đã xác định rõ mục đích lưu giữ sơ đồ và bảng kê các địa bàn điều tra mẫu để sử dụng làm dàn mẫu chủ cho các cuộc điều tra sau này. Khả năng xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) từ sơ đồ các địa bàn điều tra đã được đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, hiện nay Tổng cục Thống kê chưa có đủ cơ sở hạ tầng kỹ thuật, chuyên môn và ngân sách để thực hiện GIS. Vì vậy, trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 chỉ đưa ra khả năng lưu giữ bằng hình ảnh các sơ đồ địa bàn điều tra mẫu.

Cuộc Tổng điều tra lần này đã vẽ hai loại sơ đồ: sơ đồ nền và sơ đồ địa bàn điều tra. Sơ đồ nền được vẽ cho tất cả các xã/phường, mỗi sơ đồ nền thể hiện được vị trí và đặc điểm nổi bật của tất cả các địa bàn điều tra của xã/phường. Sơ đồ địa bàn điều tra cho thấy hướng đi, ranh giới của địa bàn, các đường phố, đường quốc lộ, đường đất, kênh, ao/hồ, trường học, bệnh viện, v.v..., vị trí của từng ngôi nhà mà điều tra viên phải tới điều tra cùng các vật định hướng khác.

Việc lập bảng kê số nhà, số hộ, số người được thực hiện vào cùng thời gian vẽ sơ đồ và do cán bộ địa phương am hiểu địa hình và phân bố dân cư của địa bàn điều tra đảm nhiệm. Bảng kê số nhà, số hộ, số người được lập theo từng nhà, từng hộ bao gồm các tiêu thức như: số thứ tự nhà, số thứ tự hộ, địa chỉ của hộ, tổng số nhân khẩu, số nam và số nữ.

Công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê được bắt đầu từ tháng 10 năm 2008 và cơ bản hoàn thành vào tháng 1 năm 2009. Việc vẽ sơ đồ chủ yếu do cán bộ địa chính của cấp xã/phường thực hiện, còn việc lập bảng kê được giao cho những người địa phương am hiểu địa hình và phân bố dân cư trên địa bàn điều tra thực hiện. Những người này được tập huấn về nghiệp vụ vẽ sơ đồ và lập bảng kê trong thời gian 3 ngày.

Công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê được coi là nhiệm vụ trọng tâm của công tác chuẩn bị Tổng điều tra và đã được thực hiện khẩn trương trong cả nước. Mặc dù hầu hết các tỉnh đã hoàn thành công tác này vào cuối tháng 1 năm 2009, song một số tỉnh, thành phố lớn do gặp nhiều khó khăn về quy mô, địa hình và phân bố dân cư phức tạp, nhiều địa bàn bị giải tỏa/dời nên đến cuối tháng 2 năm 2009 mới hoàn thành. Qua kiểm tra, giám sát đã phát hiện tình trạng thiếu hụt số hộ và số dân ở một số địa phương, Ban Chi đạo Trung ương đã kịp thời ban hành Công văn số 60/BCĐTW ngày 05/3/2009 để chỉ đạo các địa phương rà soát và hiệu

chính kết quả vẽ sơ đồ, lập bảng kê. Mặc dù thời gian và kinh phí bỏ ra cho công tác này còn hạn hẹp, nhưng các địa phương đã nỗ lực phấn đấu đạt kết quả khả quan: đến ngày 31/3/2009, cả nước đã cập nhật thêm 315 nghìn hộ và 801 nghìn người; nhờ đó hệ thống sơ đồ và bảng kê thu thập đạt 98,2% về số hộ và 99,8% về tổng số nhân khẩu so với kết quả Tổng điều tra chính thức. Căn cứ kết quả này, BCĐTW đã kịp thời in bổ sung phiếu cho các địa phương sử dụng.

2. Công tác tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra



Pa-nô Tổng điều tra

nhiều hình thức phong phú để mọi người dễ tiếp cận. Công tác truyền thông sâu, rộng của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, nhằm:

(a) Tranh thủ sự ủng hộ và hỗ trợ của các cơ quan Nhà nước, các cơ quan truyền thông đại chúng và các tổ chức quần chúng bằng việc tạo ra sự hiểu biết đầy đủ về tầm quan trọng và mục đích của cuộc Tổng điều tra;

(b) Làm cho người dân hiểu được ích lợi của Tổng điều tra, nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với Tổng điều tra để sẵn lòng hợp tác, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác.

Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 được phổ biến đến từng chi bộ, từng thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố. Thực hiện Quyết định và Chỉ thị trên, các cấp ủy Đảng, Chính quyền, đồng thời Ban Chỉ đạo các cấp thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban kiểm điểm tiến độ thực hiện, từ đó đã thu hút cả



hệ thống chính trị tham gia. Đây là một trong những nhân tố quan trọng đóng góp vào sự thành công của cuộc Tổng điều tra.

Tài liệu tuyên truyền cho cuộc Tổng điều tra lần này khá phong phú, bao gồm:

* **Tài liệu in:** gồm Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư, Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 09/QĐ-BCĐTW của Trường Ban Chỉ đạo Trung ương, Chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, sổ tay hướng dẫn công tác tuyên truyền, các bài mẫu hỏi-đáp về Tổng điều tra dân số và nhà ở, các bài đăng trên báo trung ương và địa phương, các bài trả lời phỏng vấn của Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành; các đặc san về Tổng điều tra, các tài liệu phổ biến trong các cuộc họp ở cấp thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố và các tổ chức đoàn thể;

* **Tài liệu nghe nhìn:** Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương đã xây dựng, sản xuất và phát hành tới các cấp từ trung ương đến địa phương các tài liệu, phương tiện có chất lượng cao như lôgô, áp phích, đĩa hình (video clip) quảng bá Tổng điều tra, đĩa tiếng (Audio CD) hỏi đáp và các bài hát về Tổng điều tra, chương trình tọa đàm về Tổng điều tra phát trên các đài phát thanh và truyền hình.



Áp phích Tổng điều tra

* **Tài liệu cổ động:** gồm biểu trưng, pa nô (tấm lớn và trung bình), áp phích, khẩu hiệu, băng rôn.

Chiến dịch tuyên truyền sâu rộng về Tổng điều tra bắt đầu từ đầu tháng 3 năm 2009, rầm rộ và quyết liệt nhất là trong khoảng thời gian từ 15 tháng 3 đến 20 tháng 4 năm 2009. Các hoạt động truyền thông tập trung trong thời gian điều tra (từ 1 tháng 4 đến 20 tháng 4 năm 2009) gồm: điểm tin Tổng điều tra hàng ngày, phóng sự, các bài hát về Tổng điều tra được phát và đăng tải trên sóng phát thanh, truyền hình, báo hàng ngày của cả trung ương và địa phương, thậm chí cả trên hệ thống loa truyền thanh của thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố.

Ở các địa phương đã áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền sáng tạo như: họp dân,

bảo địa phương, xe loa, xe Hon da gắn loa để tuyên truyền, học sinh cổ động, diễn kịch, ca hát, dán biểu trưng trên các phương tiện giao thông công cộng, v.v... Với các hình thức phong phú đó đã nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền.

Các đội tuyên truyền lưu động, các tổ chức đoàn thể, các trường phổ thông và chuyên nghiệp, thanh thiếu niên, học sinh đi cổ động đã tạo ra không khí sôi động cho chiến dịch tuyên truyền Tổng điều tra. Đặc biệt lần này ở nhiều nơi đã tranh thủ các chức sắc tôn giáo tổ chức tuyên truyền Tổng điều tra trong đồng bào theo đạo.

Các trung tâm kinh tế, chính trị và văn hoá của cả nước, như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng và Cần Thơ đã được kịp thời bổ sung kinh phí tuyên truyền. Ở các địa phương này, nhiều cụm panô lớn, khẩu hiệu, áp phích được thiết kế một cách sinh động và bắt mắt, được đặt ở những địa điểm, vị trí trang trọng, thu hút sự quan tâm của nhân dân, làm cho mọi người cảm nhận Tổng điều tra như một ngày hội.

Đài Truyền hình Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam đã phát sóng các chương trình quảng bá, hỏi đáp và các bài hát về Tổng điều tra. Kế hoạch về thời gian và thời lượng phát sóng của các chương trình cũng được thông báo về các địa phương để tiếp sóng, hoặc lưu để tái sử dụng. Trong ngày hội ra quân, Đài VTV1 đã phát cầu truyền hình Bắc-Trung-Nam.

Ban Chỉ đạo Trung ương cũng đã phối hợp với nhiều tờ báo có số lượng phát hành lớn ở Trung ương (cả báo viết và báo điện tử) đăng tải nhiều bài báo về Tổng điều tra. Nội dung tuyên truyền về Tổng điều tra đã được đưa vào cuộc họp Giao ban báo chí tháng 3 năm 2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông và chỉ đạo các cơ quan thông tấn báo chí đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Tổng điều tra.

Các nội dung tuyên truyền cho Tổng điều tra không chỉ được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam mà còn được chuyển tải qua các kênh thông tin của các cơ quan truyền thông của Liên hợp quốc.

Lần đầu tiên trong Tổng điều tra dân số ở Việt Nam có lắp đặt đường dây điện thoại nóng cho Tổng điều tra tại Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương và tỉnh, thành phố. Mục đích chính của đường dây nóng là để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành tác nghiệp cho Tổng điều tra, đồng thời cũng để tiếp nhận các góp ý của nhân dân về các hoạt động Tổng điều tra.



Mục đích chính này đã đạt được. Ngoài ra, đường dây nóng cũng là một công cụ tuyên truyền, cung cấp thông tin về Tổng điều tra cho người dân. Số điện thoại đường dây nóng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Việc này làm cho nhân dân cảm nhận được tính minh bạch của Tổng điều tra, trên cơ sở đó họ tin tưởng và hợp tác rất nhiệt tình, cung cấp nhiều thông tin chính xác cho các cơ quan và cán bộ điều tra.

Ngoài nguồn kinh phí của Chính phủ, cuộc Tổng điều tra đã tranh thủ sự hỗ trợ kinh phí của Quỹ Dân số Liên hợp quốc và một số địa phương đề đẩy mạnh chiến dịch tuyên truyền. Tất cả các sản phẩm tuyên truyền đã được sản xuất, phân phát đầy đủ tới các cơ quan thông tin đại chúng (trung ương và địa phương), Ban Chi đạo các cấp và các ngành chức năng để chuẩn bị sẵn sàng cho chiến dịch tuyên truyền.

Báo cáo của 63 tỉnh, thành phố, các đoàn giám sát của Ban Chi đạo Trung ương và các đoàn đại diện của các nhà tài trợ quốc tế tham gia giám sát Tổng điều tra đều thống nhất đánh giá “Ngày 01/4/2009 thực sự là ngày hội Tổng điều tra”, có sức mạnh lôi cuốn toàn dân tích cực hưởng ứng và ủng hộ cán bộ điều tra.



Thông tin về Tổng điều tra được phổ biến bằng xe tuyên truyền lưu động trước thời điểm Tổng điều tra

3. Công tác thu thập thông tin và giám sát điều tra

3.1 Địa bàn điều tra



Điều tra viên đến từng hộ phỏng vấn

Cả nước được chia thành khoảng 172 nghìn địa bàn điều tra. Mỗi địa bàn điều tra đều được xác định ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng và có số lượng hộ để một điều tra viên có thể hoàn thành trách nhiệm điều tra trong thời gian quy định. Số lượng hộ trong từng địa bàn khác nhau giữa các vùng địa lý. Nói chung, **địa bàn điều tra là thôn (hoặc xóm, ấp, bản, tổ dân phố)** với quy mô

binh quân trong cả nước là 100 hộ. Để thuận tiện cho công tác phân chia địa bàn, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương quy định:

- *Đối với các xã vùng núi cao, hải đảo, vùng núi thấp, vùng sâu, vùng xa:* Quy mô mỗi địa bàn bình quân khoảng từ 70 đến 100 hộ. Tuy nhiên, đối với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố quy mô nhỏ (dưới 70 hộ) nhưng có vị trí địa lý quá xa so với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố gần nhất, thì vẫn được xác định là một địa bàn điều tra riêng (không ghép với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố khác). Ngược lại, nếu thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố có quy mô lớn (trên 100 hộ nhưng dưới 200 hộ) mà địa bàn không bị chia cắt, đi lại không khó khăn, thì vẫn xác định là một địa bàn riêng.

- *Đối với các xã/phường còn lại (phường/thị trấn ở thành thị, xã ở đồng bằng):* Quy mô địa bàn bình quân khoảng từ 100 đến 150 hộ. Ở những vùng có nhiều thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố mà quy mô quá nhỏ dưới 70 hộ thì ghép 2 thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố liền kề thành một địa bàn điều tra. Đối với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố tuy quy mô dưới 100 hộ, nhưng có vị trí địa lý không thuận tiện cho việc ghép với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố gần nhất, thì để một địa bàn riêng (không ghép với thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố khác). Ngược lại, nếu thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố có quy mô lớn (trên 150 hộ nhưng dưới 250 hộ) mà địa bàn



không bị chia cắt, đi lại không khó khăn, thì được xác định là một địa bàn riêng mà không chia tách.

- Trong trường hợp khác, việc ghép những thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố liền kề hoặc chia tách thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố để tạo thành (các) địa bàn điều tra phải bảo đảm ranh giới địa bàn điều tra rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng, với nguyên tắc không được ghép một phần thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố này với một phần hoặc trọn một thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố khác để tạo thành một địa bàn điều tra.

3.2 Tuyển chọn và tập huấn cán bộ điều tra

Công tác tập huấn nhằm cung cấp cho cuộc Tổng điều tra một đội ngũ cán bộ am hiểu nghiệp vụ để vừa chỉ đạo vừa huấn luyện cán bộ nghiệp vụ các cấp cho tới tận điều tra viên và tổ trưởng điều tra.

Điều tra viên được tuyển chọn phải đáp ứng được những yêu cầu như: có tinh thần trách nhiệm cao, viết chữ và số rõ ràng, có trình độ học vấn từ hết lớp 10/12 trở lên (tại vùng cao, vùng



Biểu ngữ Tổng điều tra

sâu, vùng xa, thấp nhất phải học xong lớp 7/12), tuổi đời tốt nhất từ 25 đến 50. Tùy theo điều kiện địa lý và quy mô cụ thể của mỗi địa bàn, với quy mô địa bàn trung bình của từng vùng mà bố trí số điều tra viên phù hợp. Họ có thể là nông dân, cán bộ, sinh viên, giáo viên, bộ đội biên phòng, v.v... Hầu hết điều tra viên được tuyển chọn là người địa phương. Chỉ ở một số nơi thuộc vùng núi cao, vùng sâu hay vùng xa mà phần lớn cư dân thuộc dân tộc ít người, do có hạn chế về trình độ văn hoá, điều tra viên đã được đưa từ địa phương khác đến. Ở những địa bàn này, người dân địa phương (thường là trưởng thôn) đã giúp đỡ việc dẫn đường và phiên dịch cho điều tra viên.

Tổ trưởng điều tra là lực lượng trực tiếp quản lý công việc của điều tra viên. Việc tuyển chọn tổ trưởng được ưu tiên cho người: (1) có khả năng tổ chức làm việc theo nhóm, và (2) phải cam kết dành 100% thời gian để quản lý điều tra viên trong thời gian điều tra tại địa bàn. Quy định một tổ trưởng phụ trách 2 điều tra viên thuộc vùng cao, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; ở các vùng còn lại, một tổ trưởng phụ trách 4 điều tra viên.



Mẫu phiếu khổ lớn được sử dụng rộng rãi trong các lớp tập huấn

Ngoài tổ trưởng điều tra còn có lực lượng giám sát viên ở các cấp Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện với nhiệm vụ chính là giám sát hoạt động của mạng lưới tổ trưởng và điều tra viên, giám sát và hỗ trợ chuyên môn cho Ban Chỉ đạo cấp dưới.

Việc tập huấn được tiến hành theo ba cấp:

+ Giảng viên cấp Trung ương đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh: mỗi tỉnh/thành phố đã cử 2 cán bộ về dự lớp tập huấn của Trung ương

ở Hà Nội hoặc ở Nha Trang (Khánh Hoà). Tại hai lớp tập huấn 8 ngày này, các học viên được nghe giới thiệu về mục đích cuộc Tổng điều tra, giải thích rõ về phiếu điều tra, hướng dẫn phương pháp điều tra ghi phiếu, công tác quản lý và giám sát điều tra.

+ Giảng viên cấp tỉnh đào tạo giảng viên cấp huyện: các cán bộ của tỉnh/thành phố tham dự lớp tập huấn của Trung ương làm giảng viên tập huấn cho các cán bộ Tổng điều tra chủ chốt của các huyện với thời gian học là 6 ngày. Số lượng học viên của từng tỉnh/thành phố phụ thuộc vào số đơn vị huyện/quận của tỉnh/thành phố.

+ Giảng viên cấp huyện tập huấn tổ trưởng và điều tra viên: Tập huấn nghiệp vụ điều tra cho gần 30 vạn người trực tiếp tham gia điều tra, bao gồm: tổ trưởng điều tra, điều tra viên, giám sát viên, cán bộ Ban Chỉ đạo và Văn phòng giúp việc các cấp, các ngành trong Tổng điều tra. Đến ngày 26 tháng 3 năm 2009 đã hoàn thành hơn 3.500 lớp tập huấn trên phạm vi cả nước.

Các phương tiện giảng dạy được chuẩn bị tốt đã giúp nâng cao chất lượng tập huấn. Ngoài các tài liệu nghiệp vụ, ba loại phương tiện giảng dạy nổi bật trong cuộc Tổng điều tra lần này là: (1) đĩa DVD hỗ trợ tập huấn; (2) các bản in khổ lớn mẫu phiếu điều tra; và (3) cuốn "Sổ tay đào tạo điều tra viên". Các sản phẩm này được thiết kế hợp lý và nhân bản với số lượng lớn phục vụ đủ cho tập huấn ở cả Trung ương và các cấp địa phương. Qua thăm dò ý kiến ở nhiều lớp tập huấn cho thấy, các sản phẩm này đã phát huy tác dụng tốt, thực sự góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

3.3 Yêu cầu và các thủ tục điều tra, giám sát

Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã sử dụng phương pháp phỏng vấn trực tiếp. Điều tra viên đến từng hộ trong phạm vi địa bàn điều tra được phân công để hỏi và ghi thông tin vào phiếu điều tra cho từng người. Việc hỏi và ghi theo đúng hướng dẫn đã được tập huấn. Khi điều tra xong ở một hộ, điều tra viên đọc lại các câu trả lời cho chủ hộ nghe để khẳng định rằng các câu trả lời đã được ghi chính xác.



Giám sát viên góp ý cho điều tra viên

Điều tra viên được trang bị những phương tiện cần thiết cho công việc điều tra hàng ngày. Ngoài phiếu và tài liệu điều tra, điều tra viên được cấp bút bi, băng xoá, thẻ điều tra viên, túi đựng hồ sơ, áo mưa (cho những vùng bị mưa lớn). Trong những ngày điều tra, điều tra viên được trả thù lao. Mặc dù mức thù lao không cao, nhưng hầu hết các điều tra viên đã thể hiện hết nhiệt tình và tận tâm với công việc. Do được tập huấn khá kỹ, nên họ đã thực thi việc phỏng vấn và ghi phiếu khá thành thạo. Đồng thời, công tác tuyên truyền đã giúp nhân dân hiểu đầy đủ về cuộc Tổng điều tra, nên bước điều tra thu thập thông tin được thực hiện thuận lợi theo đúng kế hoạch đã định.

Nhằm nâng cao chất lượng thu thập thông tin, công tác giám sát được tiến hành ở tất cả các công đoạn của cuộc Tổng điều tra, từ giám sát tập huấn vẽ sơ đồ lập bảng kê, giám sát vẽ sơ đồ lập bảng kê, giám sát tập huấn nghiệp vụ, giám sát công tác rà soát và hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê, giám sát điều tra ghi phiếu. Trong đó, khâu giám sát phỏng vấn, ghi phiếu được xác định là quan trọng nhất, đặc biệt khi công nghệ nhận biết ký tự thông minh được áp dụng để nhập tin phiếu Tổng điều tra.

Công tác giám sát phỏng vấn ghi phiếu không những được thực hiện bởi giám sát viên các cấp trung ương, tỉnh, huyện, xã, mà một lực lượng lớn các tổ trưởng điều tra đã đóng góp vào thành công của công tác ghi phiếu. Trách nhiệm của tổ trưởng điều tra trong Tổng

điều tra lần này được đề ra ở tầm cao hơn so với các Tổng điều tra trước đây. Điều này giải thích như sau: như trên đã đề cập do công nghệ nhận biết ký tự thông minh đòi hỏi chữ viết tay trên phiếu phải rõ ràng và dễ đọc và phải ở những vị trí xác định trước (trong các ô dành sẵn), nên việc sửa chữa lỗi đòi hỏi mất thời gian nhiều hơn. Vì vậy, lỗi của điều tra viên cần phải được phát hiện và sửa chữa càng sớm càng tốt, tránh tình trạng để trở thành lỗi hệ thống, khó sửa chữa và mất nhiều thời gian. Để đạt được yêu cầu này, tổ trưởng điều tra có trách nhiệm kiểm tra và góp ý cho điều tra viên thường xuyên, nhất là trong hai ngày đầu của công tác phỏng vấn ghi phiếu.

3.4 Triển khai công tác điều tra và giám sát tại địa bàn

Ngày 24 tháng 3 năm 2009, dưới sự chủ trì của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương Nguyễn Sinh Hùng, Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức thành công Hội nghị trực tuyến kiểm điểm tình hình chuẩn bị và triển khai bước điều tra thu thập thông tin, cho thấy công tác chuẩn bị đã hoàn tất, tất cả đã sẵn sàng.

Sáng sớm ngày 01/4/2009, Ban Chỉ đạo cấp huyện và cấp xã đã tổ chức lễ ra quân và đồng loạt tiến hành ngay từ 7 giờ sáng, tất cả điều tra viên và tổ trưởng điều tra trong cả nước đã bắt đầu công tác phỏng vấn và ghi phiếu ở các hộ.

Song song với việc phỏng vấn ghi phiếu tại các hộ, từ 7 giờ sáng ngày 01 tháng 4, Ban Chỉ đạo cấp huyện và cấp xã đã phối hợp với lực lượng công an đồng loạt tổ chức điều tra những người lang thang không nhà ở, sống ở vỉa hè, góc phố, chợ, trên sông nước, v.v...

Công tác điều tra ở các địa bàn điều tra toàn bộ được tiến hành trong 7 ngày và ở các địa bàn điều tra mẫu là 15 ngày. Đến ngày 15 tháng 4, đã có 92% số địa bàn điều tra hoàn thành phỏng vấn ghi phiếu; số địa bàn còn lại do thời tiết mưa bão, địa hình phức tạp, quy mô quá lớn (gần 300 hộ) hoặc có nhiều hộ đi vắng chưa tiếp xúc được nên đã phải kéo dài đến ngày 20 tháng 4. Như vậy, nhìn chung tiến độ điều tra đã diễn ra đúng Phương án quy định.

Ngay sau Hội nghị trực tuyến triển khai bước thu thập thông tin, Ban Chỉ đạo Trung ương đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo quan trọng, như:



* Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 1929/VPCP-KTTH ngày 26/3/2009 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Sinh Hùng về đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đồng thời gửi Thông báo số 117/TB-VPCP ngày 03/4/2009 truyền đạt ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng tại Hội nghị triển khai bước điều tra thu thập thông tin;

* Công điện số 547/CD-TTg ngày 10/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ đã có tác động thúc đẩy toàn bộ hệ thống chính trị tích cực tham gia tổ chức và thực hiện trên tất cả các phương diện của cuộc Tổng điều tra.

Nhằm khắc phục các loại sai sót trong quá trình điều tra, Ban Chỉ đạo các cấp đã đề ra kế hoạch thực hiện cụ thể, phân công các thành viên Ban Chỉ đạo và đội ngũ giám sát viên phụ trách từng địa bàn, báo cáo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

Thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương, ở nhiều nơi, Tỉnh uỷ và Ủy ban Nhân dân tỉnh/thành phố đã quyết định hoãn một số cuộc họp trong thời gian từ ngày 01 đến 30/4 để tập trung cho công tác Tổng điều tra. Toàn ngành Thống kê, Ban Chỉ đạo và Văn phòng giúp việc các cấp đã phân công cán bộ đi kiểm tra giám sát. Đây là yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho cuộc Tổng điều tra được triển khai thống nhất và đúng phương án, kế hoạch đã đề ra.

Nhiều tỉnh/thành phố duy trì chế độ báo cáo định kỳ 3 ngày/lần, từ đó đã phát hiện kịp thời và chỉ đạo rút kinh nghiệm trong mấy ngày đầu nên số lỗi ghi phiếu giảm nhanh trong những ngày sau. Các tổ chức của Liên hợp quốc cũng tích cực phối hợp tham gia giám sát các hoạt động Tổng điều tra tại các địa phương.

Điện thoại đường dây nóng, trang thông tin tác nghiệp Tổng điều tra và mạng điện tử của ngành Thống kê đã phát huy hiệu quả cao trong việc phục vụ công tác chỉ đạo điều hành. Hàng ngày, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương liên tục nhận được nhiều câu hỏi gửi đến từ Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành, điều tra viên, tổ trưởng điều tra, các cơ quan truyền thông (trung ương và địa phương), các tổ chức quốc tế và đông đảo nhân dân cả nước. Các câu hỏi

này đã được giải đáp trực tiếp hoặc chuyển đến các đơn vị thích hợp để xử lý kịp thời và có hiệu quả các vấn đề liên quan.

Ngay từ ngày đầu ra quân, nhiều địa phương đã tổ chức phỏng vấn thử để rút kinh nghiệm nên đã hạn chế tối đa các loại sai sót. Trong ba ngày đầu của Tổng điều tra, Ban Chỉ đạo các cấp đã chủ động “hãm” tốc độ điều tra thấp hơn mức bình quân để phát hiện hết các lỗi sai sót của điều tra viên, rút kinh nghiệm kịp thời.

Qua kiểm tra giám sát thực địa và theo dõi báo cáo tiến độ của các địa phương, đã phát hiện và xử lý kịp thời một số dạng thiếu sót chính sau đây:

* Một số tỉnh/thành phố chưa bám sát kế hoạch Tổng điều tra, báo cáo tiến độ chậm; kết quả sơ bộ báo cáo chưa kịp thời và chưa chính xác. Nhiều Ban Chỉ đạo đã đưa hết lực lượng xuống địa bàn nên không có “Tổng chỉ huy” để chỉ đạo chung cũng như xử lý những vấn đề phát sinh trong những ngày điều tra;

* Trong 3 ngày đầu tiên, một số tỉnh thuộc miền núi phía Bắc, Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có hiện tượng đẩy tốc độ điều tra nhanh hơn mức trung bình. Ban Chỉ đạo Trung ương đã kịp thời nhắc nhở rút kinh nghiệm, vì vậy tốc độ đã được duy trì phù hợp hơn trong những ngày tiếp theo;

* Nhiều tổ trưởng kiêm làm điều tra viên hoặc được giao phụ trách nhiều địa bàn, nhiều tổ trưởng là công chức xã/phường đã không dành đủ thời gian cho công tác quản lý điều tra viên;

* Nhiều điều tra viên nghiệp vụ yếu, không được tổ trưởng bỏ khuyết kịp thời nên đã mắc nhiều lỗi, như: ghi thiếu hoặc thừa thông tin do thực hiện sai bước nhảy, ghi nhầm cột, ghi câu trả lời về ngành/nghề còn chung chung, phỏng vấn không theo đúng quy trình cũng như trật tự hỏi và ghi phiếu điều tra. Một số điều tra viên tại chỗ còn chủ quan, sử dụng sổ hộ khẩu hoặc sổ sách theo dõi để chép thông tin vào phiếu điều tra. Một số điều tra viên gặp khó khăn do tuổi cao sức yếu, một số khác chưa sử dụng thành thạo băng xoá khi sửa lỗi. Những tồn tại này chủ yếu do điều tra viên chưa được thực hành kỹ trong khâu tập huấn nghiệp vụ. Tuy nhiên sau khi phát hiện và được góp ý kịp thời, những khiếm khuyết này đã được khắc phục sớm.



Công tác kiểm tra giám sát vừa qua đã cho thấy, những sai sót trên đây hầu hết là những lỗi ít nghiêm trọng, có thể khắc phục được qua kiểm tra logic.

Trong thời gian điều tra, có một số câu hỏi liên quan đến cách vận dụng những khái niệm, định nghĩa trong tài liệu nghiệp vụ cho các trường hợp đặc thù của địa phương. Những thắc mắc này đã được giải đáp sớm một cách thống nhất qua điện thoại, thư điện tử và “Trang thông tin tác nghiệp Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009”.

Trong những ngày đầu tháng 4 năm 2009 có mưa to và dai dẳng ở nhiều nơi trên phạm vi cả nước, gây khó khăn cho điều tra viên, nhất là ở những địa bàn vùng núi, vùng sâu, vùng xa, đi lại khó khăn. Ban Chỉ đạo Trung ương đã có công văn khẩn yêu cầu các địa phương trang bị bổ sung cho mỗi điều tra viên một áo mưa và một túi nylon để bảo vệ tài liệu. Việc này giúp cho điều tra viên đi lại thuận lợi hơn, bảo quản phiếu không bị ẩm, ướt và tiến độ điều tra không bị kéo dài.

4. Xử lý và tổng hợp số liệu

Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 sẽ sử dụng công nghệ nhận dạng ký tự thông minh/công nghệ quét (scanning) để trực tiếp nhập tin từ phiếu điều tra vào máy vi tính thay cho công nghệ nhập tin qua bàn phím đang sử dụng phổ biến ở nước ta hiện nay. Đây là công nghệ tiên tiến, lần đầu tiên đưa vào áp dụng trong điều tra thống kê ở nước ta nên công tác chuẩn bị phải tiến hành hết sức thận trọng và tỷ mỉ. Qua nhiều lần tổ chức hội thảo và 7 lần áp dụng thí điểm với sự hỗ trợ về kinh phí và kỹ thuật của Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), chúng ta đã nắm vững và làm chủ được công nghệ mới này và đã được Thường trực Chính phủ cho phép áp dụng để xử lý toàn bộ kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009. Hiện nay, Chính phủ đã quyết định dành khoản kinh phí thông qua Dự án hiện đại hoá Tổng cục Thống kê từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới để trang bị hệ thống quét, phần mềm và hỗ trợ kỹ thuật. Việc sử dụng công nghệ này thành công sẽ tạo tiền đề để tiếp tục sử dụng công nghệ quét cho các cuộc điều tra thống kê khác.

Sau khi kiểm tra và ghi mã số tại Văn phòng Ban Chỉ đạo tỉnh/thành phố, phiếu điều tra (cả phiếu điều tra toàn bộ và phiếu điều tra mẫu) sẽ được nghiệm thu và chuyển đến xử lý tại 3 Trung tâm tin học tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng.

Công tác xử lý số liệu phải được thực hiện tập trung, thống nhất, đúng quy trình và tiến độ. Ban Chỉ đạo các cấp và các trung tâm xử lý phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm được phân công, đặc biệt là các khâu kiểm tra, giao nhận và bảo quản phiếu điều tra.

Hiện nay, các tỉnh/thành phố đang triển khai công tác kiểm tra và ghi mã số phiếu điều tra, đồng thời nhập tin bảng kê các địa bàn điều tra mẫu (15%) nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống sơ đồ và bảng kê, xây dựng *dàn mẫu chủ* phục vụ công tác thiết kế mẫu cho 10 năm sau Tổng điều tra. Việc kiểm tra và ghi mã số phiếu điều tra mẫu (phiếu dài) sẽ hoàn thành vào trung tuần tháng 8, kiểm tra phiếu điều tra toàn bộ (phiếu ngắn) dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2009.

Đến nay, công tác chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho việc xử lý số liệu Tổng điều tra đã cơ bản hoàn thành, bao gồm việc mua sắm và lắp đặt các thiết bị xử lý, thuê trụ sở, kho bãi, chuẩn bị phòng cháy chữa cháy, bảo đảm an ninh, phòng chống mối, tập huấn nghiệp vụ xử lý, v.v...

Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương đã phối hợp với Trung tâm Tin học Thống kê lập kế hoạch xử lý tổng hợp kết quả, lập hệ biểu và giải thích tổng hợp biểu đầu ra, xây dựng phương án suy rộng mẫu.

Tổng cục Thống kê đã hoàn thành cơ bản công tác phát triển các phần mềm ứng dụng và công tác đào tạo theo phần mềm ReadSoft (đã sử dụng trong bước thi điểm), tổ chức đào tạo về quản trị mạng và đào tạo hệ thống, chương trình kiểm tra logic, hiệu chỉnh số liệu, xây dựng quy trình xử lý, tích hợp chung hệ thống và chạy thử với một số lô phiếu đã nghiệm thu; đang hoàn chỉnh các chương trình chức năng quản lý luồng dữ liệu.

Hiện nay, Tổng cục Thống kê đang phối hợp với nhà thầu FPT để xây dựng các phần mềm ứng dụng, đào tạo cán bộ, chạy thử hệ thống, hoàn thiện chương trình,... Theo phần mềm mới TIS và E-form. Các công việc này đang được thực hiện khẩn trương nhằm bảo đảm tiến độ cung cấp số liệu như Phương án Tổng điều tra đã quy định.

Công tác tổng hợp kết quả sẽ được tiến hành theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 - tổng hợp số liệu từ phiếu điều tra mẫu, kết thúc chậm nhất vào tháng 10 năm 2009, và giai đoạn 2 - tổng hợp số liệu từ phiếu điều tra toàn bộ, kết thúc trong quý II năm 2010.



5. Đánh giá và thẩm định kết quả

Một yêu cầu hết sức quan trọng của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 là phải đảm bảo chất lượng số liệu điều tra. Điều này được thực hiện trước hết nhờ sự quan tâm của Đảng và chính quyền các cấp, sự chỉ đạo sát sao, có hiệu quả của Ban Chỉ đạo Tổng điều tra các cấp, các ngành và những cố gắng trong triển khai các cuộc điều tra thí điểm, vẽ sơ đồ và lập bảng kê địa bàn, thiết kế điều tra, biên soạn tài liệu nghiệp vụ, tuyển chọn và tập huấn cán bộ, trong công tác tuyên truyền, điều tra, giám sát và quản lý chất lượng theo Phương án Tổng điều tra đã quy định.

Thực tế triển khai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 phản ánh kết quả của quá trình phát triển nguồn lực con người ở Tổng cục Thống kê. Nhiều công việc của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã kế thừa và phát triển cách làm của các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1989 và 1999, từ công tác tuyên truyền cho Tổng điều tra đến chương trình tập huấn và các quy định nghiệp vụ điều tra. Kết quả là, Tổng cục Thống kê có khả năng tiến hành tổ chức cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 với mức tự lực lớn hơn rất nhiều, sự giúp đỡ về tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế và nước ngoài ít hơn.

Để phục vụ cho việc công bố số liệu, ngay sau khi kết thúc bước điều tra thu thập thông tin, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã thực hiện nhiều biện pháp để đánh giá, thẩm định kết quả Tổng điều tra và đã thu được kết quả như sau:

**** Xác minh và điều tra bổ sung qua đường dây nóng:***

Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã phối hợp có hiệu quả với Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam thông báo để nhân dân cả nước cung cấp thông tin nhằm phát hiện và điều tra bổ sung tất cả các đối tượng điều tra có khả năng bị bỏ sót. Đến ngày 20/4/2009, Văn phòng Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương đã nhận được ý kiến của 975 hộ dân trong cả nước gọi đến đường dây nóng. Kết quả đã xác minh, điều tra bổ sung được 744 hộ, 231 hộ còn lại đã được điều tra viên ghi phiếu thông qua các thành viên khác trong hộ hoặc qua điều tra gián tiếp. Mặc dù số hộ được điều tra bổ sung không nhiều so với

tổng số trên 22 triệu hộ trong cả nước, song qua công việc này các hộ dân và Ban Chỉ đạo tổng điều tra các cấp đã bày tỏ sự đồng tình và tin tưởng vào kết quả Tổng điều tra.

*** Phúc tra kết quả điều tra:**

Ngay sau khi kết thúc bước điều tra đã tiến hành một cuộc phúc tra chọn mẫu nhằm xác định mức độ chính xác của số liệu Tổng điều tra. Một mẫu hệ thống gồm 60 địa bàn điều tra đã được chọn ngẫu nhiên để tiến hành phỏng vấn lại do Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp tổ chức thực hiện.

Với mục đích xác định mức độ đầy đủ của cuộc Tổng điều tra, mỗi nhân khẩu thường xuyên cư trú trong từng hộ được hỏi bốn câu hỏi: (1) họ và tên, (2) quan hệ với chủ hộ, (3) giới tính, (4) tháng, năm sinh hoặc tuổi. Kết quả trả lời đối với những câu hỏi này được đối chiếu với phiếu điều tra (sau khi đã bàn giao lên cấp trên) để tìm ra các trường hợp bị bỏ sót trong Tổng điều tra hoặc trong phúc tra. Kết quả phúc tra cho thấy sai số là 0,3% (bằng chênh lệch giữa tỷ lệ điều tra trùng và điều tra sót), tương đương với khoảng 258 nghìn người (xem biểu chi tiết dưới đây). Nếu so với tỷ lệ sai số từ 1,5% đến 4,5% tổng dân số thường thấy trong các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở của nhiều nước, đồng thời so sánh với cuộc Tổng điều tra trước ở nước ta, có thể sơ bộ đánh giá mức độ đầy đủ của cuộc Tổng điều tra lần này là khá cao.

Đơn vị tính: %

Vùng kinh tế - xã hội	Tỷ lệ điều tra trùng	Tỷ lệ điều tra sót	Sai số thuần (tỷ lệ sót - tỷ lệ trùng)
<i>Cả nước</i>	1,8	1,5	-0,3
Trung du và miền núi phía Bắc	2,7	2,0	-0,7
Đồng bằng sông Hồng	2,8	2,1	-0,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1,1	0,9	-0,2
Tây Nguyên	1,5	2,0	0,5
Đông Nam Bộ	0,7	0,8	0,1
Đồng bằng sông Cửu Long	1,8	1,6	-0,2



*** Đánh giá chất lượng ghi phiếu:**

Ngay sau bước điều tra ghi phiếu, Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương đã phối hợp với Trung tâm Tin học Thống kê tổ chức một số đoàn công tác để kiểm tra chất lượng ghi phiếu điều tra. Kết quả kiểm tra cho thấy phiếu điều tra được ghi chép đúng yêu cầu đề ra, bảo đảm tốt cho khâu xử lý bằng công nghệ quét (scanning).

*** Kiểm tra trọng điểm một số đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất:**

Để có căn cứ vững chắc hơn cho việc công bố số liệu sơ bộ của cuộc Tổng điều tra, trong nửa đầu tháng 7/2009, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã quyết định triển khai công tác kiểm tra trọng điểm 03 đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất, đó là: (1) sinh viên sống trong ký túc xá, (2) sinh viên sống trong các nhà trọ thuộc địa bàn dân cư, và (3) công nhân đi làm việc tại các khu công nghiệp đang thuê nhà của dân để ở hoặc đang sống trong các lán trại, nhà tạm của các dự án, cơ sở sản xuất kinh doanh xa khu tập trung dân cư. Riêng thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, nơi có nhiều người nhập cư, do Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương trực tiếp tổ chức kiểm tra.

Kết quả kiểm tra cho thấy, nhóm đối tượng sinh viên nội trú bị bỏ sót rất ít, vì mỗi nhà ký túc xá đều có Ban quản lý nắm rõ tình trạng ăn ở và các thông tin cá nhân của từng sinh viên, các thành viên Ban quản lý thường là tổ trưởng hoặc điều tra viên trong bước điều tra ghi phiếu. Đối với hai đối tượng còn lại, qua kiểm tra đã phát hiện có sự trùng, sót với mức độ thấp, tương tự như tỷ lệ trùng, sót đã thu được trong phúc tra.

Ngoài các biện pháp kiểm tra/phúc tra nói trên, trong quá trình triển khai công tác Tổng điều tra, Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương đã tổ chức kiểm tra rà soát 02 lần đối với kết quả vẽ sơ đồ và lập bảng kê và 03 lần đối với kết quả tổng hợp sơ bộ. Như vậy, bằng nhiều phương pháp kiểm tra và phúc tra khác nhau đều đi đến đánh giá là cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã thu được kết quả tin cậy và vững chắc, phù hợp với những nỗ lực và công sức đóng góp của cả hệ thống chính trị, của Ban Chỉ đạo các cấp, các ngành và sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân cả nước.

6. Kế hoạch công bố kết quả Tổng điều tra

Cùng với báo cáo này, các báo cáo chi tiết hơn sẽ được công bố khi hoàn thành việc tổng hợp và phân tích số liệu. Báo cáo về kết quả điều tra mẫu 15% dự định được công bố vào cuối năm 2009. Một xuất bản phẩm về kết quả toàn bộ của cuộc Tổng điều tra sẽ được công bố vào cuối năm 2010. Kết quả của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 sẽ cung cấp cho chúng ta một lượng thông tin rất lớn về các chỉ tiêu liên quan đến kinh tế - xã hội, cho nên cần được phân tích sâu, được biên soạn dưới hình thức các chuyên khảo về từng chuyên đề. Tổng cục Thống kê sẽ tổ chức một số khoá tập huấn ở cấp Trung ương và cấp tỉnh nhằm trợ giúp những người quan tâm sử dụng một cách tối đa và có hiệu quả các kết quả của Tổng điều tra vào công tác nghiên cứu, xây dựng các kế hoạch và chính sách phát triển.



Khu đô thị mới Trung Hoà - Nhân Chính



PHẦN 2: KẾT QUẢ SƠ BỘ

Để có kết quả sơ bộ của cuộc điều tra, tổng số dân của từng địa bàn điều tra đã được tổng hợp cho từng xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố và cả nước. Ở mỗi cấp tổng hợp, tổng số dân được tổng hợp theo giới tính và thành thị/nông thôn. Số liệu tổng hợp sơ bộ sẽ cung cấp cho người sử dụng khá nhiều thông tin hữu ích về dân số Việt Nam, đặc biệt khi được so sánh với kết quả của các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1989 và 1999. Dưới đây là kết quả thu được từ bước tổng hợp sơ bộ.

1. Kết quả sơ bộ về tổng số dân

Tổng số dân của Việt Nam vào 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2009 là 85.789.573 người, với sai số thuần (tỷ lệ trùng trừ tỷ lệ sót) thu thập được qua phúc tra là 0,3%². Như vậy, Việt Nam là nước đông dân thứ 3 ở Đông Nam Á (sau Ấnônêxia và Philippin) và đứng thứ 13 trong số những nước đông dân nhất thế giới.

Biểu 1: Dân số và tỷ lệ tăng dân số, 1960-2009

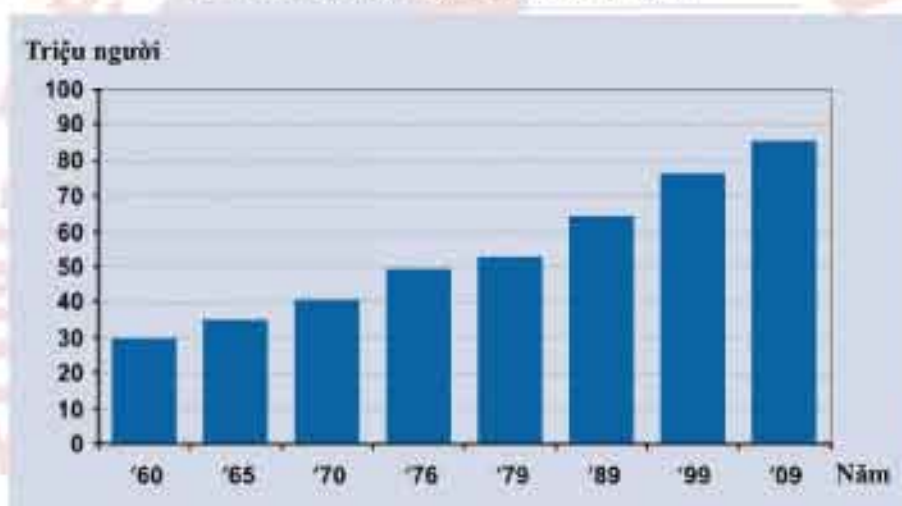
Năm	Dân số (Nghìn người)	Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm (%)
1960	30 172	3,9
1965	34 929	2,9
1970	41 063	3,2
1976	49 160	3,0
1979	52 742	2,2
1989	64 376	2,1
1999	76 323	1,7
2009	85 790	1,2

Nguồn số liệu: Số liệu các năm 1960-1999 lấy từ cuốn "Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam 1999: Kết quả sơ bộ". Hà Nội, 9-1999. Biểu 1, trang 10.

²Xem Mục 5. Phần 1: Đánh giá và thẩm định kết quả

Như vậy, sau 10 năm dân số nước ta tăng thêm 9,47 triệu người, bình quân mỗi năm tăng 947 nghìn người. Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm (gọi tắt là tỷ lệ tăng dân số) trong thời kỳ giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 và 2009 là 1,2%/năm, giảm mạnh so với thời kỳ 10 năm trước 1989-1999 (mỗi năm tăng gần 1.200 nghìn người với tỷ lệ tăng hàng năm là 1,7%). Đây là thời kỳ có tỷ lệ tăng dân số thấp nhất trong vòng 50 năm qua. Tỷ lệ này tính bình quân là trên 3%/năm trong những năm 1960, 2,8%/năm trong thời kỳ 1970-1979, và 2,1%/năm giữa hai cuộc TĐTDS 1979 và 1989, 1,7%/năm giữa hai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1989 và 1999.

Hình 1: Dân số Việt Nam, 1960-2009



Phụ lục 1 trình bày tổng số dân chia theo giới tính và thành thị/nông thôn của 63 tỉnh/thành phố trong cả nước. Tổng số dân trong biểu này bao gồm cả số liệu điều tra của các Bộ Quốc phòng, Công an và Ngoại giao.

2. Phân bố dân số và tỷ lệ tăng dân số theo vùng kinh tế-xã hội

Quy mô dân số là 85.789.573 người được phân bố trên sáu vùng kinh tế - xã hội của đất nước. Vùng đông dân nhất là Đồng bằng sông Hồng (19.577.944 người), tiếp đến là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (18.835.485 người) và Đồng bằng sông Cửu Long (17.178.871 người). Vùng có số dân ít nhất là Tây Nguyên, gồm 5 tỉnh với dân số là 5.107.437 người.



Số liệu cho thấy, dân số Việt Nam phân bố không đều và có sự khác biệt lớn theo vùng. Hai vùng Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long, là châu thổ của hai sông lớn, nơi có đất đai màu mỡ và điều kiện canh tác nông nghiệp thuận lợi, có 43% dân số của cả nước sinh sống. Ngược lại, hai vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, là những vùng núi cao điều kiện đi lại khó khăn và là nơi các dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu, chỉ chiếm dưới một phần năm (gần 19%) dân số của cả nước.

Số liệu còn cho thấy, sau 10 năm tỷ trọng dân số của hai vùng Đông Nam Bộ và Tây Nguyên tăng, còn của bốn vùng còn lại giảm. Điều đó cũng có nghĩa là Đông Nam Bộ và Tây Nguyên có tốc độ nhập cư lớn hơn.

Biểu 2: Phân bố dân số và tỷ lệ tăng dân số chia theo vùng, 1999-2009

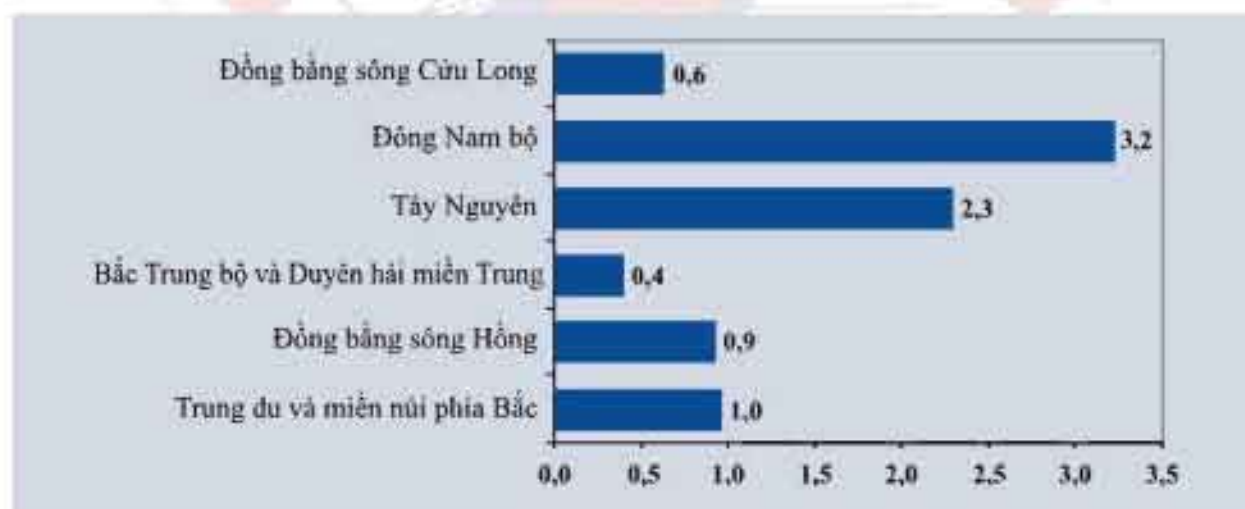
	Dân số (Người)		Mật độ dân số (Người/km ²)		Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm thời kỳ 1999-2009 (%)
	1999	2009	1999	2009	
Toàn quốc	76 323 173	85 789 573	231	259	1,2
Trung du và miền núi phía Bắc	10 048 191	11 064 449	105	116	1,0
Đồng bằng sông Hồng	17 838 676	19 577 944	830	930	0,9
Bắc Trung Bộ và ĐH miền Trung	18 087 097	18 835 485	188	196	0,4
Tây Nguyên	4 059 928	5 107 437	73	93	2,3
Đông Nam Bộ	10 158 606	14 025 387	442	594	3,2
Đồng bằng sông Cửu Long	16 130 675	17 178 871	408	423	0,6

Hình 2: Phân bố phần trăm dân số theo vùng, 2009



Trong 10 năm qua, tỷ lệ tăng dân số bình quân thấp nhất (0,4%/năm) là ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, là vùng có quy mô dân số lớn thứ hai (Hình 3), tiếp theo là Đồng bằng sông Cửu Long (0,6%/năm), là vùng có số dân đông thứ ba của cả nước.

Hình 3: Tỷ lệ tăng dân số bình quân năm theo vùng (%), 1999-2009





Đông Nam Bộ là vùng có tỷ lệ tăng dân số cao nhất (3,2%/năm). Trong vùng này, thành phố Hồ Chí Minh tăng bình quân là 3,5%/năm, cao hơn một chút so với mức tăng chung của cả vùng, trong khi đó Bình Dương tăng tới 7,3%/năm, gấp 2,25 lần so với mức tăng chung của cả vùng (xem Phụ lục 2).

Mặc dù Tây Nguyên là vùng có tổng số dân và mật độ dân số thấp nhất (5,1 triệu dân với mật độ dân số 93 người/km²), nhưng do vùng này có tỷ lệ nhập cư rất cao, vì vậy dân số đã tăng nhanh với tỷ lệ tăng dân số bình quân là 2,3%/năm trong thời kỳ 1999 - 2009.

Rõ ràng trong 10 năm qua, dưới tác động của kinh tế thị trường, dân số và lao động đã có sự phân bố lại trên quy mô rộng và với cường độ mạnh mẽ trong phạm vi cả nước.

3. Dân số thành thị và nông thôn

Trong tổng dân số của cả nước, thì 25.374.262 người cư trú ở khu vực thành thị và 60.415.311 người cư trú tại khu vực nông thôn (Phụ lục 1). Như vậy, đến nay đã có 29,6% dân số sống ở khu vực thành thị so với 23,5% vào năm 1999. Trong thời kỳ 1999-2009, dân số thành thị đã tăng lên với tỷ lệ tăng bình quân năm là 3,4%/năm, trong khi ở khu vực nông thôn tỷ lệ tăng dân số chỉ có 0,4%/năm. Giữa hai cuộc Tổng điều tra 1999 và 2009, dân số cả nước đã tăng 9,47 triệu người. Trong đó 7,3 triệu người (chiếm 77%) tăng lên ở khu vực thành thị và khoảng 2,17 triệu người (chiếm 23%) tăng lên ở khu vực nông thôn.

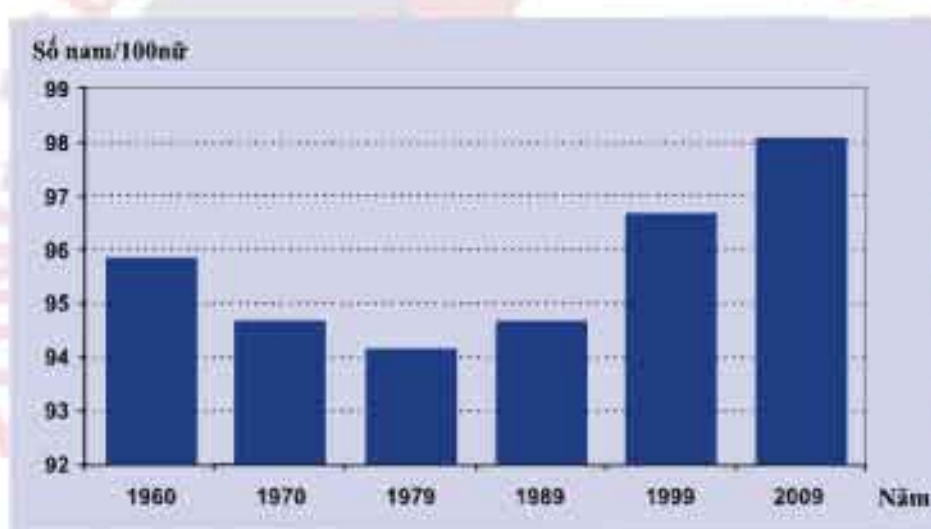


Đông Nam Bộ là vùng có mức độ đô thị hoá cao nhất và tốc độ đô thị hoá khá nhanh, dân số thành thị chiếm 57,1% (năm 1999 là 55,1%), vùng này có ba trung tâm đô thị lớn là thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Bà Rịa - Vũng Tàu. Đồng bằng sông Hồng có mức đô thị hoá cũng tương đối cao với 29,2% dân số thành thị (năm 1999 là 21,1%), vùng này có ba trung tâm đô thị lớn là Quảng Ninh, Hải Phòng và Hà Nội.

4. Tỷ số giới tính

Tỷ số giới tính của dân số được định nghĩa là số nam trên 100 nữ. Tỷ số giới tính của Việt Nam luôn ở mức dưới 100, kể từ năm 1960 đến nay. Nguyên nhân chính của tình trạng này là nam giới có mức tử vong trội hơn và chịu ảnh hưởng nặng nề của các cuộc chiến tranh. Tuy nhiên, tỷ số này đang có xu hướng tăng dần từ năm 1979 đến nay (Hình 4). Do ảnh hưởng của chiến tranh đã giảm dần và tỷ số giới tính khi sinh cũng tăng khá nhanh trong mấy năm gần đây đã góp phần làm gia tăng tỷ số giới tính của Việt Nam.

Hình 4: Tỷ số giới tính của dân số Việt Nam, 1960-2009



Tỷ số giới tính của dân số Việt Nam đã đạt được 96,7 nam trên 100 nữ vào thời gian Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 cho thấy tỷ số giới tính đã tiếp tục tăng lên và đạt mức 98,1 nam trên 100 nữ (Phụ lục 2).³

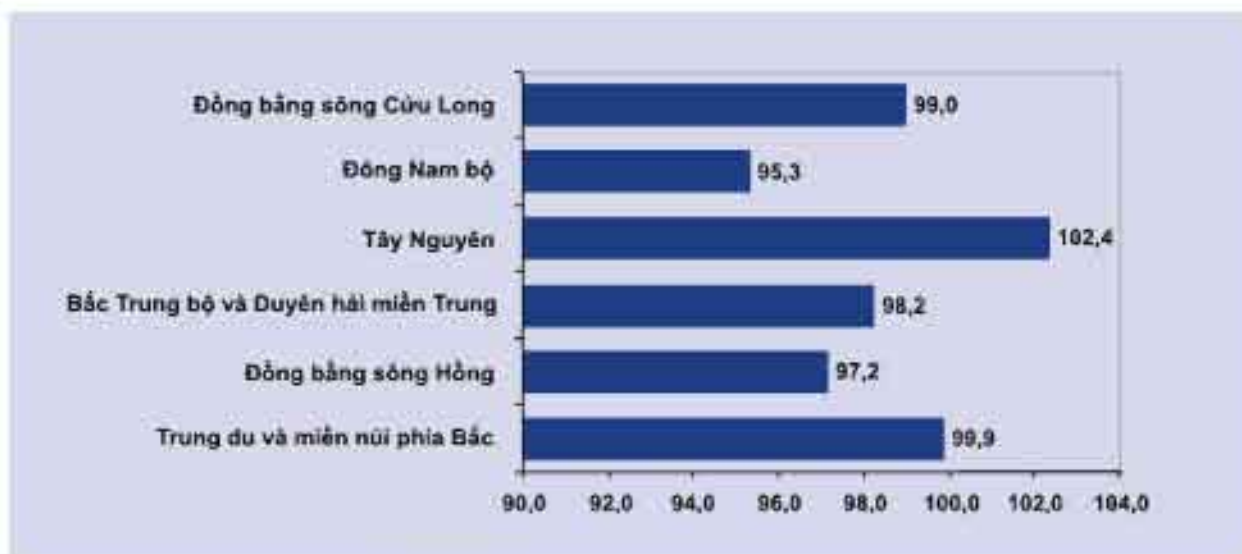
Tỷ số giới tính cao hơn ở những vùng phát triển nhanh với các ngành nghề thu hút những người di cư là nam giới từ các nơi khác đến và ngược lại, tỷ số này sẽ thấp hơn ở những vùng có mức phát triển nhanh nhưng chủ yếu phát triển các ngành nghề thu hút lao động nữ là chính (xem Phụ lục 2 và Hình 5). Hai vùng Tây Nguyên và Đông Nam Bộ đều có mức tăng

³ Nói cách khác, nữ chiếm 50,5% và nam chiếm 49,5% so với tổng số dân.



dân số nhanh hơn mức bình quân chung của cả nước, song tỷ số giới tính của Tây Nguyên năm 2009 là 102,4 cao hơn tỷ số giới tính chung của cả nước, còn Đông Nam Bộ là 95,3 thấp hơn tỷ số giới tính chung của cả nước.

Hình 5: Tỷ số giới tính của các vùng, 2009



Điển hình và rõ nét nhất về tỷ số giới tính thấp là vùng Đông Nam Bộ. Ở đây tỷ lệ tăng dân số hàng năm đã cao hơn rất nhiều, nhưng tỷ số giới tính năm 2009 lại thấp hơn đáng kể so với mức bình quân chung của cả nước. Bởi vì, thứ nhất là Đông Nam Bộ có thành phố Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất cả nước và chiếm tới 51% tổng dân số của cả vùng, thành phố này luôn có tỷ số giới tính thấp nhất cả nước trong cả 4 cuộc Tổng điều tra dân số vừa qua (90,2 nam/100 nữ vào năm 1979; 88,4 nam/100 nữ vào năm 1989; 92,8 nam/100 nữ vào năm 1999 và 92,7 nam/100 nữ vào năm 2009)⁴; thứ hai, luồng nhập cư từ các tỉnh khác vào 3 tỉnh thu hút dân lớn cả nước thuộc vùng Đông Nam Bộ là thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu luôn có số nữ nhiều hơn số nam.

⁴ Xem các ấn phẩm của Tổng điều tra dân số 1979, 1989, 1999 và "Điều tra Biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình" từ năm 2001 đến năm 2008 do Tổng cục Thống kê xuất bản.





PHỤ LỤC 1

Dân số chia theo giới tính, thành thị/nông thôn và đơn vị hành chính, 1/4/2009

Đơn vị tính: Người

<i>Tỉnh/thành phố</i>	<i>Tổng số dân</i>		<i>Thành thị</i>		<i>Nông thôn</i>	
	<i>Tổng số</i>	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Trong đó: Nữ</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Trong đó: Nữ</i>
Tổng số	85 789 573	43 307 024	25 374 262	12 991 876	60 415 311	30 315 148
V1. Trung du và miền núi phía Bắc	11 064 449	5 534 925	1 772 059	893 176	9 292 390	4 641 749
1. Hà Giang	724 353	361 451	86 945	43 163	637 408	318 288
2. Cao Bằng	510 884	257 757	87 674	44 483	423 210	213 274
3. Bắc Kạn	294 660	145 823	47 738	24 415	246 922	121 408
4. Tuyên Quang	725 467	360 635	93 502	47 130	631 965	313 505
5. Lào Cai	613 075	304 648	129 952	64 918	483 123	239 730
6. Điện Biên	491 046	244 698	74 423	36 944	416 623	207 754
7. Lai Châu	370 135	180 858	53 075	25 511	317 060	155 347
8. Sơn La	1 080 641	535 236	150 241	72 580	930 400	462 656
9. Yên Bái	740 905	370 603	140 260	70 599	600 645	300 004
10. Hoà Bình	786 964	395 542	119 536	60 910	667 428	334 632
11. Thái Nguyên	1 124 786	565 633	288 179	148 332	836 607	417 301
12. Lạng Sơn	731 887	366 893	141 488	72 453	590 399	294 440
13. Bắc Giang	1 555 720	780 062	149 803	74 092	1 405 917	705 970
14. Phú Thọ	1 313 926	665 086	209 243	107 646	1 104 683	557 440
V2. Đồng bằng sông Hồng	19 577 944	9 930 227	5 721 184	2 906 468	13 856 760	7 023 759
15. Hà Nội	6 448 837	3 272 735	2 632 087	1 341 646	3 816 750	1 931 089
16. Quảng Ninh	1 144 381	558 793	575 939	282 952	568 442	275 841
17. Vĩnh Phúc	1 000 838	505 247	224 389	114 216	776 449	391 031
18. Bắc Ninh	1 024 151	520 951	241 723	123 396	782 428	397 555
19. Hải Dương	1 703 492	870 033	324 930	168 660	1 378 562	701 373
20. Hải Phòng	1 837 302	926 309	847 058	427 823	990 244	498 486
21. Hưng Yên	1 128 702	574 549	138 380	71 071	990 322	503 478
22. Thái Bình	1 780 954	919 833	175 440	90 566	1 605 514	829 267
23. Hà Nam	785 057	399 998	77 087	39 443	707 970	360 555
24. Nam Định	1 825 771	930 201	323 484	166 976	1 502 287	763 225
25. Ninh Bình	898 459	451 578	160 667	79 719	737 792	371 859
V3. Bắc Trung Bộ và DH miền Trung	18 835 485	9 503 886	4 530 450	2 309 899	14 305 035	7 193 987
26. Thanh Hoá	3 400 239	1 717 067	354 880	180 235	3 045 359	1 536 832
27. Nghệ An	2 913 055	1 463 696	367 736	187 448	2 545 319	1 276 248
28. Hà Tĩnh	1 227 554	619 370	183 510	94 426	1 044 044	524 944
29. Quảng Bình	846 924	422 632	127 912	64 472	719 012	358 160
30. Quảng Trị	597 985	301 170	165 076	83 692	432 909	217 478

Đơn vị tính: Người

Tỉnh/thành phố	Tổng số dân		Thành thị		Nông thôn	
	Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ	Tổng số	Trong đó: Nữ
31. Thừa Thiên Huế	1 087 579	550 030	392 569	202 043	695 010	347 987
32. Đà Nẵng	887 069	449 557	770 499	391 060	116 570	58 497
33. Quảng Nam	1 419 503	727 138	264 256	136 134	1 155 247	591 004
34. Quảng Ngãi	1 217 159	617 010	178 576	91 539	1 038 583	525 471
35. Bình Định	1 485 943	759 596	412 800	211 442	1 073 143	548 154
36. Phú Yên	861 993	430 370	188 549	95 382	673 444	334 988
37. Khánh Hoà	1 156 903	584 491	459 430	236 645	697 473	347 846
38. Ninh Thuận	564 129	282 980	203 857	103 384	360 272	179 596
39. Bình Thuận	1 169 450	578 779	460 800	231 997	708 650	346 782
V4. Tây Nguyên	5 107 437	2 523 936	1 419 069	710 960	3 688 368	1 812 976
40. Kon Tum	430 037	211 662	145 484	72 208	284 553	139 454
41. Gia Lai	1 272 792	632 448	363 396	181 876	909 396	450 572
42. Đắk Lắk	1 728 380	854 726	388 280	192 551	1 340 100	662 175
43. Đắk Nông	489 442	234 372	72 479	34 607	416 963	199 765
44. Lâm Đồng	1 186 786	590 728	449 430	229 718	737 356	361 010
V5. Đông Nam Bộ	14 025 387	7 180 709	8 009 167	4 160 892	6 016 220	3 019 817
45. Bình Phước	874 961	430 686	146 845	73 895	728 116	356 791
46. Tây Ninh	1 066 402	535 275	168 389	85 504	898 013	449 771
47. Bình Dương	1 482 636	769 496	444 008	233 820	1 038 628	535 676
48. Đồng Nai	2 483 211	1 251 029	825 335	424 512	1 657 876	826 517
49. Bà Rịa-Vũng Tàu	994 837	496 808	495 111	251 000	499 726	245 808
50. Tp Hồ Chí Minh	7 123 340	3 697 415	5 929 479	3 092 161	1 193 861	605 254
V6. ĐB sông Cửu Long	17 178 871	8 633 341	3 922 333	2 010 481	13 256 538	6 622 860
51. Long An	1 436 914	723 326	251 386	131 008	1 185 528	592 318
52. Tiền Giang	1 670 216	849 476	229 942	121 086	1 440 274	728 390
53. Bến Tre	1 254 589	638 777	125 789	65 570	1 128 800	573 207
54. Trà Vinh	1 000 933	506 985	153 521	79 507	847 412	427 478
55. Vĩnh Long	1 028 365	521 480	158 539	82 201	869 826	439 279
56. Đồng Tháp	1 665 420	833 165	287 075	147 958	1 378 345	685 207
57. An Giang	2 144 772	1 077 627	608 732	312 051	1 536 040	765 576
58. Kiên Giang	1 683 149	833 639	452 574	226 927	1 230 575	606 712
59. Cần Thơ	1 187 089	597 572	781 481	397 765	405 608	199 807
60. Hậu Giang	756 625	375 931	149 399	75 155	607 226	300 776
61. Sóc Trăng	1 289 441	648 019	251 328	129 639	1 038 113	518 380
62. Bạc Liêu	856 250	429 286	225 480	115 505	630 770	313 781
63. Cà Mau	1 205 108	598 058	247 087	126 109	958 021	471 949



PHỤ LỤC 2

Tỷ lệ tăng dân số, tỷ số giới tính, mật độ dân số và tỷ lệ dân số thành thị, 1999 và 2009

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ tăng dân số bình quân 1999-2009 (%)	Tỷ số giới tính (%)		Mật độ dân số (người/km ²)		Tỷ lệ dân số thành thị (%)	
		1999	2009	1999	2009	1999	2009
Tổng số	1,2	96,7	98,1	231	259	23,5	29,6
V1. Trung du và miền núi phía Bắc	1,0	98,6	99,9	105	116	13,8	16,0
1. Hà Giang	1,8	98,0	100,4	77	91	8,4	12,0
2. Cao Bằng	0,4	95,9	98,2	73	76	10,9	17,2
3. Bắc Kạn	0,7	99,9	102,1	57	61	14,5	16,2
4. Tuyên Quang	0,7	97,8	101,2	116	124	11,0	12,9
5. Lào Cai	1,8	99,7	101,2	74	96	17,1	21,2
6. Điện Biên	} 2,5	} 102,1	100,7	} 34	51	} 12,3	15,2
7. Lai Châu			104,7		41		14,3
8. Sơn La	2,0	100,7	101,9	62	76	12,8	13,9
9. Yên Bái	0,9	99,5	99,9	100	107	19,6	18,9
10. Hoà Bình	0,4	98,4	99,0	164	171	13,8	15,2
11. Thái Nguyên	0,7	99,3	98,9	293	318	20,9	25,6
12. Lạng Sơn	0,4	98,5	99,5	86	88	18,7	19,3
13. Bắc Giang	0,4	97,7	99,4	390	406	7,4	9,6
14. Phú Thọ	0,4	96,4	97,6	361	372	14,2	15,9
V2. Đồng bằng sông Hồng	0,9	95,8	97,2	830	930	21,1	29,2
15. Hà Nội	2,0	97,7	97,0	1 296	1 926	34,2	40,8
16. Quảng Ninh	1,3	104,2	104,8	169	188	44,1	50,3
17. Vĩnh Phúc	1,7	95,0	98,1	797	813	10,2	22,4
18. Bắc Ninh	0,8	94,4	96,6	1 181	1 245	9,4	23,6
19. Hải Dương	0,3	93,5	95,8	993	1 030	13,8	19,1
20. Hải Phòng	0,9	97,3	98,3	1 113	1 207	34,0	46,1
21. Hưng Yên	0,5	93,4	96,5	1 201	1 222	8,7	12,3
22. Thái Bình	0,0	91,5	93,6	1 183	1 142	5,8	9,9
23. Hà Nam	-0,1	94,3	96,3	944	913	6,1	9,8
24. Nam Định	-0,3	94,8	96,3	1 127	1 105	12,4	17,7
25. Ninh Bình	0,2	95,9	99,0	637	647	12,8	17,9
V3. Bắc Trung Bộ và DH miền Trung	0,4	96,4	98,2	188	196	18,4	24,1
26. Thanh Hoá	-0,2	95,6	98,0	310	305	9,2	10,4
27. Nghệ An	0,2	97,0	99,0	175	177	10,2	12,6
28. Hà Tĩnh	-0,3	96,3	98,2	210	204	8,9	14,9
29. Quảng Bình	0,6	97,8	100,4	99	105	10,8	15,1

Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ tăng dân số bình quân 1999-2009 (%)	Tỷ số giới tính (%)		Mật độ dân số (người/km ²)		Tỷ lệ dân số thành thị (%)	
		1999	2009	1999	2009	1999	2009
30. Quảng Trị	0,4	96,9	98,6	125	126	23,5	27,6
31. Thừa Thiên Huế	0,4	97,3	97,7	209	215	27,6	36,1
32. Đà Nẵng	2,6	96,4	97,3	548	691	78,6	86,9
33. Quảng Nam	0,3	93,7	95,2	132	136	14,3	18,6
34. Quảng Ngãi	0,2	95,1	97,3	230	236	11,0	14,7
35. Bình Định	0,2	94,3	95,6	240	246	24,0	27,8
36. Phú Yên	0,9	98,1	100,3	149	170	18,9	21,9
37. Khánh Hoà	1,1	97,9	97,9	196	222	36,4	39,7
38. Ninh Thuận	1,1	97,4	99,4	147	168	23,7	36,1
39. Bình Thuận	1,1	99,6	102,1	131	150	23,4	39,4
V4. Tây Nguyên	2,3	102,5	102,4	73	93	26,7	27,8
40. Kon Tum	3,1	101,3	103,2	32	44	32,1	33,8
41. Gia Lai	2,7	102,0	101,2	60	82	24,9	28,6
42. Đắk Lắk	} 2,2	} 103,3	102,2	} 90	132	} 20,0	22,5
43. Đắk Nông			108,8		75		14,8
44. Lâm Đồng	1,7	101,8	100,9	98	121	38,7	37,9
V5. Đông Nam Bộ	3,2	95,8	95,3	442	594	55,1	57,1
45. Bình Phước	2,9	103,9	103,2	95	127	15,2	16,8
46. Tây Ninh	1,0	96,5	99,2	240	263	12,9	15,8
47. Bình Dương	7,3	93,6	92,7	329	550	32,6	29,9
48. Đồng Nai	2,2	99,7	98,5	339	421	30,5	33,2
49. Bà Rịa-Vũng Tàu	2,2	100,0	100,2	407	501	41,6	49,8
50. TP Hồ Chí Minh	3,5	92,8	92,7	2 410	3 399	83,5	83,2
V6. ĐB sông Cửu Long	0,6	96,0	99,0	408	423	17,1	22,8
51. Long An	1,0	96,1	98,7	301	320	16,5	17,5
52. Tiền Giang	0,4	93,9	96,6	686	672	13,3	13,8
53. Bến Tre	-0,3	93,7	96,4	577	532	8,5	10,0
54. Trà Vinh	0,3	99,4	97,4	408	436	12,9	15,3
55. Vĩnh Long	0,2	94,3	97,2	680	695	14,4	15,4
56. Đồng Tháp	0,6	96,3	99,9	478	493	14,5	17,2
57. An Giang	0,5	97,0	99,0	598	606	19,7	28,4
58. Kiên Giang	1,2	97,2	101,9	239	265	22,1	26,9
59. Cần Thơ	} 0,7	} 96,4	98,7	} 611	847	} 21,3	65,8
60. Hậu Giang			101,3		473		19,7
61. Sóc Trăng	1,0	95,0	99,0	368	389	17,9	19,5
62. Bạc Liêu	1,5	96,0	99,5	297	331	24,5	26,3
63. Cà Mau	0,7	97,6	101,5	215	226	18,6	20,5



PHỤ LỤC 3 : PHIẾU ĐIỀU TRA

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

PHIẾU ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở

THỜI ĐIỂM 0 GIỜ NGÀY 01/4/2009



(ĐIỀU TRA MÁU)

THÔNG TIN GHI TRÊN PHIẾU ĐIỀU TRA ĐƯỢC GIỮ KÍN

MÀU CÁC CHỮ SỐ ĐIỀN VÀO Ở TO

GẠCH "X" VÀO TRONG Ô NHỎ ĐỂ LỰA CHỌN CÂU TRẢ LỜI THÍCH HỢP

ĐỊNH DANH

TÊN/HÀM PHÓ

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH:

KẤPHƯƠNG/THỊ TRẤN

QUA BAN ĐIỀU TRA SỐ

TÊN QUẬN/BÀN ĐIỀU TRA

THÀNH THỊ/ÔNG THÔN (THÀNH THỊ - 1, CÔNG THÔN - 2)

HỌ SỐ

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ

KẾT QUẢ

SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG TẬP PHIEU NÀY

SỐ NAM

SỐ NỮ

ĐÂY LÀ TẬP PHIEU SỐ TRONG TẬP PHIEU CỦA HỘ

KÝ XÁC NHẬN

	HỌ VÀ TÊN	CHỮ KÝ
NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN	<input type="text"/>	<input type="text"/>
ĐIỀU TRA VIÊN	<input type="text"/>	<input type="text"/>
TỔ TRƯỞNG ĐIỀU TRA	<input type="text"/>	<input type="text"/>

□ □ □ □ ■

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ DÂN SỐ

CÂU HỎI/CÂU KIỂM TRA	SỐ THỨ TỰ	
	SỐ THỨ TỰ 1	SỐ THỨ TỰ 2
1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ <small>SỬ DỤNG QUY TRÌNH PHÒNG VẤN ĐỂ XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ</small>		
2. [TÊN] có quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ.....1 <input type="checkbox"/> VỢ/CHỒNG.....2 <input type="checkbox"/> CON ĐÉ.....3 <input type="checkbox"/> CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 <input type="checkbox"/> BỐ/MẸ.....5 <input type="checkbox"/> QUAN HỆ KHÁC.....6 <input type="checkbox"/>	VỢ/CHỒNG.....2 <input type="checkbox"/> CON ĐÉ.....3 <input type="checkbox"/> CHÁU NỘI/NGOẠI.....4 <input type="checkbox"/> BỐ/MẸ.....5 <input type="checkbox"/> QUAN HỆ KHÁC.....6 <input type="checkbox"/>
3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM.....1 <input type="checkbox"/> NỮ.....2 <input type="checkbox"/>	NAM.....1 <input type="checkbox"/> NỮ.....2 <input type="checkbox"/>
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/> C6 ← KHÔNG XĐ NĂM..... 9898 <input type="checkbox"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/> C6 ← KHÔNG XĐ NĂM..... 9999 <input type="checkbox"/>
5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch? <small>(TRÊN 85 TUỔI, GHI '95')</small>	TUỔI <input type="text"/>	TUỔI <input type="text"/>
6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH.....1 <input type="checkbox"/> DÂN TỘC KHÁC.....2 <input type="checkbox"/> TÊN DÂN TỘC <input type="text"/>	KINH.....1 <input type="checkbox"/> DÂN TỘC KHÁC.....2 <input type="checkbox"/> TÊN DÂN TỘC <input type="text"/>
7. [TÊN] có theo đạo, tôn giáo nào không? <small>NẾU CÓ: Đó là đạo, tôn giáo gì?</small>	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> TÊN TÔN GIÁO <input type="text"/> KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> TÊN TÔN GIÁO <input type="text"/> KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>
8. KIỂM TRA: NEU SINH TRƯỚC THÁNG 4/2004 (TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN) → CÂU 9; CÒN LẠI → HỎI NGƯỜI TIẾP THEO		
9. Cách đây 5 năm (vào ngày 1/4/2004), [TÊN] thực tế thường trú ở đâu?	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/> XÃ/PHƯỜNG KHÁC TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/> HUYỆN/QUẬN KHÁC TRONG TỈNH.....3 <input type="checkbox"/> TÊN HUYỆN <input type="text"/> TỈNH/TP KHÁC.....4 <input type="checkbox"/> TÊN TỈNH <input type="text"/> Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/> C11 ←	CÙNG XÃ/PHƯỜNG.....1 <input type="checkbox"/> XÃ/PHƯỜNG KHÁC TRONG HUYỆN.....2 <input type="checkbox"/> HUYỆN/QUẬN KHÁC TRONG TỈNH.....3 <input type="checkbox"/> TÊN HUYỆN <input type="text"/> TỈNH/TP KHÁC.....4 <input type="checkbox"/> TÊN TỈNH <input type="text"/> Ở NƯỚC NGOÀI.....5 <input type="checkbox"/> C11 ←

CÂU HỎI/CÂU KIỂM TRA	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ																	
	_____ 1	_____ 2																
10. Nơi thường trú cách đây 5 năm nói trên là phường, thị trấn hay xã?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN 1 <input type="checkbox"/> XÃ 2 <input type="checkbox"/>	PHƯỜNG/THỊ TRẤN 1 <input type="checkbox"/> XÃ 2 <input type="checkbox"/>																
11. [TÊN] có khó khăn gì khi (. . .) không? NEU CÓ: Khó khăn ở mức độ nào: khó khăn, rất khó khăn hay không thể? a) Nhìn, ngay cả khi đeo kính? b) Nghe? c) Đi bộ? d) Ghi nhớ, hay tập trung chú ý?	<table border="0"> <tr> <td>KHÔNG KHÓ KHĂN</td> <td>KHÓ KHĂN</td> <td>RẤT KHÓ KHĂN</td> <td>KHÔNG THEO []</td> </tr> <tr> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THEO []	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	<table border="0"> <tr> <td>KHÔNG KHÓ KHĂN</td> <td>KHÓ KHĂN</td> <td>RẤT KHÓ KHĂN</td> <td>KHÔNG THEO []</td> </tr> <tr> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> <td>3 <input type="checkbox"/></td> <td>4 <input type="checkbox"/></td> </tr> </table>	KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THEO []	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THEO []															
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>															
KHÔNG KHÓ KHĂN	KHÓ KHĂN	RẤT KHÓ KHĂN	KHÔNG THEO []															
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>															
12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC 1 <input type="checkbox"/> ĐÃ THÔI HỌC 2 <input type="checkbox"/> CHƯA ĐI HỌC 3 <input type="checkbox"/>	ĐANG ĐI HỌC 1 <input type="checkbox"/> ĐÃ THÔI HỌC 2 <input type="checkbox"/> CHƯA ĐI HỌC 3 <input type="checkbox"/>																
13. Bằng cấp cao nhất hiện đang học hoặc đã học của [TÊN] là gì? CÁC CHỮ VIẾT TẮT: THCS - TRUNG HỌC CƠ SỞ THPT - TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CN - CHUYÊN NGHIỆP	MẦM NON 00 <input type="checkbox"/> TIỂU HỌC 01 <input type="checkbox"/> THCS 02 <input type="checkbox"/> SƠ CẤP NGHỀ 03 <input type="checkbox"/> THPT 04 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP NGHỀ 05 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP CN 06 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG NGHỀ 07 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG 08 <input type="checkbox"/> ĐẠI HỌC 09 <input type="checkbox"/> THẠC SỸ 10 <input type="checkbox"/> TIẾN SỸ 11 <input type="checkbox"/>	MẦM NON 00 <input type="checkbox"/> TIỂU HỌC 01 <input type="checkbox"/> THCS 02 <input type="checkbox"/> SƠ CẤP NGHỀ 03 <input type="checkbox"/> THPT 04 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP NGHỀ 05 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP CN 06 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG NGHỀ 07 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG 08 <input type="checkbox"/> ĐẠI HỌC 09 <input type="checkbox"/> THẠC SỸ 10 <input type="checkbox"/> TIẾN SỸ 11 <input type="checkbox"/>																
14. Lớp/năm học cao nhất mà [TÊN] hiện đang học hoặc đã học xong ở bằng cấp trên là gì? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [] []	LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [] []																
15. KIỂM TRA CÂU 13: NEU CÂU 13 = 1 → CÂU 16; CÒN LẠI → CÂU 17																		
16. Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>																
17. KIỂM TRA: NEU SINH TRƯỚC THÁNG 4/1994 (TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN) → CÂU 18; CÒN LẠI → HỎI NGƯỜI TIẾP THEO																		
18. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?	CHƯA VỢ/CHỒNG 1 <input type="checkbox"/> CÓ VỢ/CHỒNG 2 <input type="checkbox"/> Góa 3 <input type="checkbox"/> LY HÔN 4 <input type="checkbox"/> LY THÂN 5 <input type="checkbox"/>	CHƯA VỢ/CHỒNG 1 <input type="checkbox"/> CÓ VỢ/CHỒNG 2 <input type="checkbox"/> Góa 3 <input type="checkbox"/> LY HÔN 4 <input type="checkbox"/> LY THÂN 5 <input type="checkbox"/>																

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ



L HỌ SỐ: [][] TẬP PHIẾU SỐ: []

3		4		5		6	
PHƯƠNG/THỊ TRẦN..... 1 <input type="checkbox"/>		PHƯƠNG/THỊ TRẦN..... 1 <input type="checkbox"/>		PHƯƠNG/THỊ TRẦN..... 1 <input type="checkbox"/>		PHƯƠNG/THỊ TRẦN..... 1 <input type="checkbox"/>	
XÃ..... 2 <input type="checkbox"/>		XÃ..... 2 <input type="checkbox"/>		XÃ..... 2 <input type="checkbox"/>		XÃ..... 2 <input type="checkbox"/>	
KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN	KHÔNG KHỎ KHĂN
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	3 <input type="checkbox"/>	4 <input type="checkbox"/>
ĐANG ĐI HỌC..... 1 <input type="checkbox"/>		ĐANG ĐI HỌC..... 1 <input type="checkbox"/>		ĐANG ĐI HỌC..... 1 <input type="checkbox"/>		ĐANG ĐI HỌC..... 1 <input type="checkbox"/>	
ĐÃ THỜI HỌC..... 2 <input type="checkbox"/>		ĐÃ THỜI HỌC..... 2 <input type="checkbox"/>		ĐÃ THỜI HỌC..... 2 <input type="checkbox"/>		ĐÃ THỜI HỌC..... 2 <input type="checkbox"/>	
CHƯA ĐI HỌC..... 3 <input type="checkbox"/>		CHƯA ĐI HỌC..... 3 <input type="checkbox"/>		CHƯA ĐI HỌC..... 3 <input type="checkbox"/>		CHƯA ĐI HỌC..... 3 <input type="checkbox"/>	
C16 ←		C16 ←		C16 ←		C16 ←	
MẦM NON..... 00 <input type="checkbox"/>		MẦM NON..... 00 <input type="checkbox"/>		MẦM NON..... 00 <input type="checkbox"/>		MẦM NON..... 00 <input type="checkbox"/>	
C16 ←		C16 ←		C16 ←		C16 ←	
TIỂU HỌC..... 01 <input type="checkbox"/>		TIỂU HỌC..... 01 <input type="checkbox"/>		TIỂU HỌC..... 01 <input type="checkbox"/>		TIỂU HỌC..... 01 <input type="checkbox"/>	
THCS..... 02 <input type="checkbox"/>		THCS..... 02 <input type="checkbox"/>		THCS..... 02 <input type="checkbox"/>		THCS..... 02 <input type="checkbox"/>	
SƠ CẤP NGHỀ..... 03 <input type="checkbox"/>		SƠ CẤP NGHỀ..... 03 <input type="checkbox"/>		SƠ CẤP NGHỀ..... 03 <input type="checkbox"/>		SƠ CẤP NGHỀ..... 03 <input type="checkbox"/>	
THPT..... 04 <input type="checkbox"/>		THPT..... 04 <input type="checkbox"/>		THPT..... 04 <input type="checkbox"/>		THPT..... 04 <input type="checkbox"/>	
TRUNG CẤP NGHỀ..... 05 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP NGHỀ..... 05 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP NGHỀ..... 05 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP NGHỀ..... 05 <input type="checkbox"/>	
TRUNG CẤP CN..... 06 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP CN..... 06 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP CN..... 06 <input type="checkbox"/>		TRUNG CẤP CN..... 06 <input type="checkbox"/>	
CAO ĐẲNG NGHỀ..... 07 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG NGHỀ..... 07 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG NGHỀ..... 07 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG NGHỀ..... 07 <input type="checkbox"/>	
CAO ĐẲNG..... 08 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG..... 08 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG..... 08 <input type="checkbox"/>		CAO ĐẲNG..... 08 <input type="checkbox"/>	
ĐẠI HỌC..... 09 <input type="checkbox"/>		ĐẠI HỌC..... 09 <input type="checkbox"/>		ĐẠI HỌC..... 09 <input type="checkbox"/>		ĐẠI HỌC..... 09 <input type="checkbox"/>	
THẠC SỸ..... 10 <input type="checkbox"/>		THẠC SỸ..... 10 <input type="checkbox"/>		THẠC SỸ..... 10 <input type="checkbox"/>		THẠC SỸ..... 10 <input type="checkbox"/>	
TIẾN SỸ..... 11 <input type="checkbox"/>		TIẾN SỸ..... 11 <input type="checkbox"/>		TIẾN SỸ..... 11 <input type="checkbox"/>		TIẾN SỸ..... 11 <input type="checkbox"/>	
LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [][]		LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [][]		LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [][]		LỚP PHỔ THÔNG / NĂM THỨ [][]	
15. KIỂM TRA CÂU 13: NẾU CÂU 13 = 1 → CÂU 16; CÒN LẠI → CÂU 17							
CÓ..... 1 <input type="checkbox"/>		CÓ..... 1 <input type="checkbox"/>		CÓ..... 1 <input type="checkbox"/>		CÓ..... 1 <input type="checkbox"/>	
KHÔNG..... 2 <input type="checkbox"/>		KHÔNG..... 2 <input type="checkbox"/>		KHÔNG..... 2 <input type="checkbox"/>		KHÔNG..... 2 <input type="checkbox"/>	
17. KIỂM TRA: NẾU SINH TRƯỚC THÁNG 4/1994 (TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN) → CÂU 18; CÒN LẠI → HỎI NGƯỜI TIẾP THEO							
CHƯA VỢ/CHỒNG..... 1 <input type="checkbox"/>		CHƯA VỢ/CHỒNG..... 1 <input type="checkbox"/>		CHƯA VỢ/CHỒNG..... 1 <input type="checkbox"/>		CHƯA VỢ/CHỒNG..... 1 <input type="checkbox"/>	
CÓ VỢ/CHỒNG..... 2 <input type="checkbox"/>		CÓ VỢ/CHỒNG..... 2 <input type="checkbox"/>		CÓ VỢ/CHỒNG..... 2 <input type="checkbox"/>		CÓ VỢ/CHỒNG..... 2 <input type="checkbox"/>	
GOA..... 3 <input type="checkbox"/>		GOA..... 3 <input type="checkbox"/>		GOA..... 3 <input type="checkbox"/>		GOA..... 3 <input type="checkbox"/>	
LY HÔN..... 4 <input type="checkbox"/>		LY HÔN..... 4 <input type="checkbox"/>		LY HÔN..... 4 <input type="checkbox"/>		LY HÔN..... 4 <input type="checkbox"/>	
LY THÂN..... 5 <input type="checkbox"/>		LY THÂN..... 5 <input type="checkbox"/>		LY THÂN..... 5 <input type="checkbox"/>		LY THÂN..... 5 <input type="checkbox"/>	

5 0 0 0

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		1	2
CÂU HỎI/CÂU KIỂM TRA			
19. Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất mà [TÊN] đã được đào tạo là gì? CÁC CHỮ VIẾT TẮT: CMKT - CHUYÊN MÔN KỸ THUẬT CN - CHUYÊN NGHIỆP	CHUYỂN ĐỔI CAO ĐẲNG ... 1 <input type="checkbox"/> SƠ CẤP NGHỀ ... 2 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP NGHỀ ... 3 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP CH ... 4 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG NGHỀ ... 5 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG ... 6 <input type="checkbox"/> ĐẠI HỌC ... 7 <input type="checkbox"/> THẠC SĨ ... 8 <input type="checkbox"/> TIẾN SĨ ... 9 <input type="checkbox"/>	CHUYỂN ĐỔI CAO ĐẲNG ... 1 <input type="checkbox"/> SƠ CẤP NGHỀ ... 2 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP NGHỀ ... 3 <input type="checkbox"/> TRUNG CẤP CH ... 4 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG NGHỀ ... 5 <input type="checkbox"/> CAO ĐẲNG ... 6 <input type="checkbox"/> ĐẠI HỌC ... 7 <input type="checkbox"/> THẠC SĨ ... 8 <input type="checkbox"/> TIẾN SĨ ... 9 <input type="checkbox"/>	
20. Bây giờ, lời hỏi về việc làm trong 7 ngày qua. Trong 7 ngày qua, anh/chị có làm một công việc gì để tạo ra thu nhập không?	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C20a KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG BIẾT ... 3 <input type="checkbox"/> C21	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C20b KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/> KHÔNG BIẾT ... 3 <input type="checkbox"/> C21	
21. Tuy không làm việc nhưng anh/chị có được trả lương/trả công không?	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C22a KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/>	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C22b KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/>	
22. Anh/chị đã có việc làm và sẽ trở lại làm việc trong 30 ngày tới không?	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C23a KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/> C23	CÓ ... 1 <input type="checkbox"/> C23b KHÔNG ... 2 <input type="checkbox"/> C23	
23a. Trong 7 ngày qua, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NEU CÓ)?			
23b. Trong 7 ngày trước khi tạm nghỉ, anh/chị đã làm công việc gì là chính và giữ chức vụ gì (NEU CÓ)?	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	
24. Với công việc trên, anh/chị là lao động gia đình, làm công ăn lương hay giữ vai trò khác?	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH ... 1 <input type="checkbox"/> LÀM CÔNG ĂN LƯƠNG ... 2 <input type="checkbox"/> KHÁC ... 3 <input type="checkbox"/>	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH ... 1 <input type="checkbox"/> LÀM CÔNG ĂN LƯƠNG ... 2 <input type="checkbox"/> KHÁC ... 3 <input type="checkbox"/>	
25. Cơ sở nơi anh/chị làm công việc trên là cá nhân, hộ sản xuất kinh doanh cá thể, kinh tế tập thể, tự nhân, nhà nước hay có vốn đầu tư nước ngoài? CHỮ VIẾT TẮT: SXKD - SẢN XUẤT KINH DOANH (BAO GỒM HỘ NÔNG-LÂM NGHIỆP-THUY SẢN VÀ HỘ PHU NÔNG-LÂM NGHIỆP-THUY SẢN)	CÁ NHÂN ... 1 <input type="checkbox"/> C31 → HỘ SXKD CÁ THỂ ... 2 <input type="checkbox"/> C37 → TẬP THỂ ... 3 <input type="checkbox"/> TỰ NHÂN ... 4 <input type="checkbox"/> NHÀ NƯỚC ... 5 <input type="checkbox"/> VỐN NƯỚC NGOÀI ... 6 <input type="checkbox"/>	CÁ NHÂN ... 1 <input type="checkbox"/> C31 → HỘ SXKD CÁ THỂ ... 2 <input type="checkbox"/> C37 → TẬP THỂ ... 3 <input type="checkbox"/> TỰ NHÂN ... 4 <input type="checkbox"/> NHÀ NƯỚC ... 5 <input type="checkbox"/> VỐN NƯỚC NGOÀI ... 6 <input type="checkbox"/>	
26. Tên cơ quan hoặc đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên và cấp trên trực tiếp (NEU CÓ) là gì?			

QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ KẾT QUẢ SƠ BỘ



L

HỌ SỐ: ..

TẬP PHIẾU SỐ: ..

3	4	5	6
CHƯA ĐÀO TẠO CMKT 1 <input type="checkbox"/>	CHƯA ĐÀO TẠO CMKT 1 <input type="checkbox"/>	CHƯA ĐÀO TẠO CMKT 1 <input type="checkbox"/>	CHƯA ĐÀO TẠO CMKT 1 <input type="checkbox"/>
SƠ CẤP NGHỀ . . . 2 <input type="checkbox"/>	SƠ CẤP NGHỀ . . . 2 <input type="checkbox"/>	SƠ CẤP NGHỀ . . . 2 <input type="checkbox"/>	SƠ CẤP NGHỀ.....2 <input type="checkbox"/>
TRUNG CẤP NGHỀ . . 3 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP NGHỀ . . 3 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP NGHỀ . . 3 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP NGHỀ.....3 <input type="checkbox"/>
TRUNG CẤP CN.....4 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP CN.....4 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP CN.....4 <input type="checkbox"/>	TRUNG CẤP CN.....4 <input type="checkbox"/>
CAO ĐẲNG NGHỀ . . . 5 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG NGHỀ . . . 5 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG NGHỀ . . . 5 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG NGHỀ.....5 <input type="checkbox"/>
CAO ĐẲNG 6 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG 6 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG 6 <input type="checkbox"/>	CAO ĐẲNG.....6 <input type="checkbox"/>
ĐẠI HỌC.....7 <input type="checkbox"/>	ĐẠI HỌC.....7 <input type="checkbox"/>	ĐẠI HỌC.....7 <input type="checkbox"/>	ĐẠI HỌC.....7 <input type="checkbox"/>
THẠC SỸ.....8 <input type="checkbox"/>	THẠC SỸ.....8 <input type="checkbox"/>	THẠC SỸ.....8 <input type="checkbox"/>	THẠC SỸ.....8 <input type="checkbox"/>
TIẾN SỸ.....9 <input type="checkbox"/>	TIẾN SỸ.....9 <input type="checkbox"/>	TIẾN SỸ.....9 <input type="checkbox"/>	TIẾN SỸ.....9 <input type="checkbox"/>
CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C23a	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23a	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23a	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23a
KHÔNG . . . 2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>
KHÔNG BIẾT...3 <input type="checkbox"/> → C31	KHÔNG BIẾT...3 <input type="checkbox"/> → C31	KHÔNG BIẾT...3 <input type="checkbox"/> → C31	KHÔNG BIẾT...3 <input type="checkbox"/> → C31
CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b
KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/>
CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b	CÓ.....1 <input type="checkbox"/> → C23b
KHÔNG . . . 2 <input type="checkbox"/> → C28	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/> → C28	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/> → C28	KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/> → C28
<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>	<input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH... 1 <input type="checkbox"/>	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH... 1 <input type="checkbox"/>	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH... 1 <input type="checkbox"/>	LAO ĐỘNG GIA ĐÌNH... 1 <input type="checkbox"/>
LÀM CÔNG AN LƯƠNG 2 <input type="checkbox"/>	LÀM CÔNG AN LƯƠNG 2 <input type="checkbox"/>	LÀM CÔNG AN LƯƠNG 2 <input type="checkbox"/>	LÀM CÔNG AN LƯƠNG 2 <input type="checkbox"/>
KHÁC.....3 <input type="checkbox"/>	KHÁC.....3 <input type="checkbox"/>	KHÁC.....3 <input type="checkbox"/>	KHÁC.....3 <input type="checkbox"/>
CÁ NHÂN.....1 <input type="checkbox"/>	CÁ NHÂN.....1 <input type="checkbox"/>	CÁ NHÂN.....1 <input type="checkbox"/>	CÁ NHÂN.....1 <input type="checkbox"/>
HỒ SẪNG CÁ THỂ . . . 2 <input type="checkbox"/>	HỒ SẪNG CÁ THỂ . . . 2 <input type="checkbox"/>	HỒ SẪNG CÁ THỂ . . . 2 <input type="checkbox"/>	HỒ SẪNG CÁ THỂ . . . 2 <input type="checkbox"/>
TẬP THỂ 3 <input type="checkbox"/>	TẬP THỂ.....3 <input type="checkbox"/>	TẬP THỂ.....3 <input type="checkbox"/>	TẬP THỂ 3 <input type="checkbox"/>
TỰ NHÂN. 4 <input type="checkbox"/>	TỰ NHÂN.....4 <input type="checkbox"/>	TỰ NHÂN. 4 <input type="checkbox"/>	TỰ NHÂN. 4 <input type="checkbox"/>
NHÀ NƯỚC 5 <input type="checkbox"/>	NHÀ NƯỚC.....5 <input type="checkbox"/>	NHÀ NƯỚC. 5 <input type="checkbox"/>	NHÀ NƯỚC 5 <input type="checkbox"/>
VỐN NƯỚC NGOÀI... 6 <input type="checkbox"/>	VỐN NƯỚC NGOÀI... 6 <input type="checkbox"/>	VỐN NƯỚC NGOÀI... 6 <input type="checkbox"/>	VỐN NƯỚC NGOÀI... 6 <input type="checkbox"/>

7

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		1	2
CÂU HỎI CẦU KIỂM TRA			
27. Nhiệm vụ/sản phẩm chính của cơ quan/đơn vị nơi anh/chị làm công việc trên là gì?			
		C31 ←	C31 ←
28. Trong 30 ngày qua, anh/chị có tìm kiếm việc làm không?		CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> ← C30	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> ← C30
29. Trong 7 ngày qua, nếu tìm được việc làm, anh/chị có đi làm ngay không?		CÓ 1 <input type="checkbox"/> ← C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>	CÓ 1 <input type="checkbox"/> ← C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>
30. NẾU CÂU 28 = 2: Tại sao anh/chị không tìm việc? NẾU CÂU 29 = 2: Tại sao anh/chị không sẵn sàng làm việc?		KHÔNG CÓ VIỆC T HỢP KHÔNG BIẾT TÌM Ở ĐẤU 1 <input type="checkbox"/> ĐI ĐAU SẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GÓI UÌNH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LÀM 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (CHI CỤ THỂ)	KHÔNG BIẾT TÌM Ở ĐẤU 1 <input type="checkbox"/> ĐI ĐAU SẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GÓI UÌNH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LÀM 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (CHI CỤ THỂ)
31. KIỂM TRA: NẾU LÀ PHỤ NỮ SINH TỬ 4/1930 ĐẾN 3/1994 (TỬ 15 ĐẾN 48 TUỔI) → CÂU 32; CÒN LẠI → HỎI NGƯỜI TIẾP THEO			
32. Chị đã sinh con bao giờ chưa?		CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←
33a. Số con do chị sinh ra hiện đang sống với chị ở trong hộ này?		SỐ CON ĐÙNG HỘ <input type="text"/>	SỐ CON ĐÙNG HỘ <input type="text"/>
33b. Số con do chị sinh ra hiện không sống với chị trong hộ này (ở nơi khác)		SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>	SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>
33c. Có người con nào do chị sinh ra nhưng bị chết không? NẾU CÓ, HỎI SỐ CON BẢ CHẾT		SỐ CON BẢ CHẾT <input type="text"/>	SỐ CON BẢ CHẾT <input type="text"/>
34a. Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?		THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>
34b. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất?		CON TRAI <input type="text"/> CON GÁI <input type="text"/>	CON TRAI <input type="text"/> CON GÁI <input type="text"/>



L

HỌ SỐ: ...

J

TẬP PHIẾU SỐ

3	4	5	6
C31 ← <input type="text"/>	C31 ← <input type="text"/>	C31 ← <input type="text"/>	C31 ← <input type="text"/>
CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> → C30 CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> → C30 CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> → C30 CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> → C30 CÓ 1 <input type="checkbox"/> → C31 KHÔNG 2 <input type="checkbox"/>
KHÔNG CÓ VIỆC T.HỢP/ KHÔNG BIẾT TÌM Ở Đâu 1 <input type="checkbox"/> ÔM ĐẦU/BẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU/ CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GD MINH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LD 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG CÓ VIỆC T.HỢP/ KHÔNG BIẾT TÌM Ở Đâu 1 <input type="checkbox"/> ÔM ĐẦU/BẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU/ CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GD MINH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LD 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG CÓ VIỆC T.HỢP/ KHÔNG BIẾT TÌM Ở Đâu 1 <input type="checkbox"/> ÔM ĐẦU/BẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU/ CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GD MINH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LD 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG CÓ VIỆC T.HỢP/ KHÔNG BIẾT TÌM Ở Đâu 1 <input type="checkbox"/> ÔM ĐẦU/BẠN VIỆC/ CHỜ VIỆC 2 <input type="checkbox"/> THỜI TIẾT XẤU/ CHỜ THỜI VỤ 3 <input type="checkbox"/> ĐANG ĐI HỌC 4 <input type="checkbox"/> NỘI TRỢ GD MINH 5 <input type="checkbox"/> MẤT KHẢ NĂNG LD 6 <input type="checkbox"/> KHÔNG MUỐN ĐI LÀM 7 <input type="checkbox"/> KHÁC 8 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)
31. KIỂM TRA: NẾU LÀ PHỤ NỮ SINH TỪ 4/1958 ĐẾN 3/1984 (TỪ 15 ĐẾN 49 TUỔI) → CẦU 32; CÒN LẠI → HỎI NGƯỜI TIẾP THEO			
CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←	CÓ 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input type="checkbox"/> NGƯỜI TIẾP THEO ←
SỐ CON CÙNG HỘ <input type="text"/>	SỐ CON CÙNG HỘ <input type="text"/>	SỐ CON CÙNG HỘ <input type="text"/>	SỐ CON CÙNG HỘ <input type="text"/>
SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>	SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>	SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>	SỐ CON KHÁC HỘ <input type="text"/>
SỐ CON ĐÃ CHẾT <input type="text"/>	SỐ CON ĐÃ CHẾT <input type="text"/>	SỐ CON ĐÃ CHẾT <input type="text"/>	SỐ CON ĐÃ CHẾT <input type="text"/>
THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM <input type="text"/>
CON TRAI <input type="checkbox"/> CON GÁI <input type="checkbox"/>	CON TRAI <input type="checkbox"/> CON GÁI <input type="checkbox"/>	CON TRAI <input type="checkbox"/> CON GÁI <input type="checkbox"/>	CON TRAI <input type="checkbox"/> CON GÁI <input type="checkbox"/>

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT

35. Từ ngày 01 Tết Mậu Tý (vào 7/2/2008 theo dương lịch) đến 0 giờ ngày 1 tháng 4 năm 2009, trong hộ ta có ai hay cháu nhỏ nào bị chết không?		CÓ.....1 <input type="checkbox"/>		
		KHÔNG.....2 <input type="checkbox"/> → PHẦN 3. THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở		
S? TH? T? CÂU H?/CÂU KI?M TRA		NGƯỜI CHẾT THỨ 1	NGƯỜI CHẾT THỨ 2	NGƯỜI CHẾT THỨ 3
36. Xin ông/bà cho biết tên của (từng) người chết?				
37. [TÊN] là nam hay nữ?		NAM.....1 <input type="checkbox"/> NỮ.....2 <input type="checkbox"/>	NAM.....1 <input type="checkbox"/> NỮ.....2 <input type="checkbox"/>	NAM.....1 <input type="checkbox"/> NỮ.....2 <input type="checkbox"/>
38. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?		THÁNG <input type="text"/> NĂM 2008.....1 <input type="checkbox"/> NĂM 2009.....2 <input type="checkbox"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM 2008.....1 <input type="checkbox"/> NĂM 2009.....2 <input type="checkbox"/>	THÁNG <input type="text"/> NĂM 2008.....1 <input type="checkbox"/> NĂM 2009.....2 <input type="checkbox"/>
39. Khi chết [TÊN] đã bao nhiêu tuổi theo dương lịch? CHƯA ĐỦ 12 THÁNG, GHI '00' TRÊN 95 TUỔI, GHI '95'		TUỔI DƯƠNG LỊCH <input type="text"/>	TUỔI DƯƠNG LỊCH <input type="text"/>	TUỔI DƯƠNG LỊCH <input type="text"/>
40. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?		BỆNH TẬT.....1 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN LAO ĐỘNG.....2 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN GIAO THÔNG.....3 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN KHÁC.....4 <input type="checkbox"/> KHÁC.....5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)	BỆNH TẬT.....1 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN LAO ĐỘNG.....2 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN GIAO THÔNG.....3 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN KHÁC.....4 <input type="checkbox"/> KHÁC.....5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)	BỆNH TẬT.....1 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN LAO ĐỘNG.....2 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN GIAO THÔNG.....3 <input type="checkbox"/> TẠI NẠN KHÁC.....4 <input type="checkbox"/> KHÁC.....5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)
41. KIỂM TRA CÂU 37, 39, 40: LÀ NỮ 15-49 TUỔI CHẾT KHÔNG DO TAI NẠN → CÂU 42; CÒN LẠI HỎI NGƯỜI CHẾT TIẾP THEO.				
42. Có phải [TÊN] chết khi đang mang thai không? NẾU KHÔNG: Có phải chết khi sinh con không? NẾU KHÔNG: Có phải chết sau khi sảy, nạo, hút thai không? NẾU KHÔNG: Có phải chết trong vòng 42 ngày sau khi đẻ hoặc thai hỏng không?		KHI ĐANG MANG THAI.....1 <input type="checkbox"/> KHI SINH CON.....2 <input type="checkbox"/> SAU SẢY/NẠO/HÚT THAI.....3 <input type="checkbox"/> 42 NGÀY SAU ĐẺ/THAI HỎNG.....4 <input type="checkbox"/> KHÔNG.....5 <input type="checkbox"/>	KHI ĐANG MANG THAI.....1 <input type="checkbox"/> KHI SINH CON.....2 <input type="checkbox"/> SAU SẢY/NẠO/HÚT THAI.....3 <input type="checkbox"/> 42 NGÀY SAU ĐẺ/THAI HỎNG.....4 <input type="checkbox"/> KHÔNG.....5 <input type="checkbox"/>	KHI ĐANG MANG THAI.....1 <input type="checkbox"/> KHI SINH CON.....2 <input type="checkbox"/> SAU SẢY/NẠO/HÚT THAI.....3 <input type="checkbox"/> 42 NGÀY SAU ĐẺ/THAI HỎNG.....4 <input type="checkbox"/> KHÔNG.....5 <input type="checkbox"/>



HỌ SỐ . . . TẬP PHIÊN SỐ . . .

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NHÀ Ở

CÂU HỎI/CÂU KIỂM TRA	CÂU TRẢ LỜI
43. HỘ CÓ HAY KHÔNG CÓ NHÀ ?	CÓ..... 1 <input type="checkbox"/> KHÔNG..... 2 <input type="checkbox"/> → C53
44. Hộ ông/bà có ở chung nhà với hộ khác không? NEU CÓ GHI CHUNG CHO CẢ NGÔI NHÀ/CĂN HỘ VÀO HỘ ĐẠI DIỆN	KHÔNG... 1 <input type="checkbox"/> CÓ..... 2 <input type="checkbox"/> → ĐÂY LÀ HỘ ĐẠI DIỆN..... 1 <input type="checkbox"/> ĐÃ KHAI CHUNG VỚI HỘ KHÁC..... 2 <input type="checkbox"/> TÊN CHỦ HỘ ĐẠI DIỆN <input type="text"/> → C53
45. Ngôi nhà hộ ông/bà đang ở là nhà chung cư hay nhà riêng lẻ? KẾT HỢP VỚI QUAN SÁT ĐỂ GHI	NHÀ CHUNG CƯ..... 1 <input type="checkbox"/> NHÀ RIÊNG LẺ..... 2 <input type="checkbox"/>
46. Ngôi nhà (căn hộ) này có: a) Máy phòng? b) Trong đó có mấy phòng ngủ?	SỐ PHÒNG <input type="text"/> <input type="text"/> SỐ PHÒNG NGỦ <input type="text"/> <input type="text"/>
47. Tổng diện tích của ngôi nhà (căn hộ) là bao nhiêu mét vuông?	DIỆN TÍCH (m ²) <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>
48. Vật liệu chính làm cột (hoặc trụ, hoặc tường chịu lực) là gì? L	BÊ TÔNG CỘT THÉP..... 1 <input type="checkbox"/> XÂY GẠCH/ĐÁ..... 2 <input type="checkbox"/> SÁT/THÉP/GỖ BỀN CHẮC..... 3 <input type="checkbox"/> GỖ TÁP/TRE..... 4 <input type="checkbox"/> KHÁC..... 5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)
49. Vật liệu chính làm mái là gì?	BÊ TÔNG CỘT THÉP..... 1 <input type="checkbox"/> NGÓI (XI MĂNG, ĐÁT NUNG)..... 2 <input type="checkbox"/> TẤM LỚP (XI MĂNG, KIM LOẠI)..... 3 <input type="checkbox"/> LƯỚI RAY/GIẤY ĐÁ..... 4 <input type="checkbox"/> KHÁC..... 5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)
50. Vật liệu chính làm tường hoặc bao che là gì?	BÊ TÔNG CỘT THÉP..... 1 <input type="checkbox"/> XÂY GẠCH/ĐÁ..... 2 <input type="checkbox"/> GỖ/KIM LOẠI..... 3 <input type="checkbox"/> ĐÁT VÔI/RƠM..... 4 <input type="checkbox"/> PHIÊN/LIỆP/VÁN ÉP..... 5 <input type="checkbox"/> KHÁC..... 6 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)
51. Ngôi nhà được đưa vào sử dụng năm nào? L	TRƯỚC 1975..... 1 <input type="checkbox"/> TỪ 1975 ĐẾN 1999..... 2 <input type="checkbox"/> TỪ 2000 ĐẾN NAY..... 3 <input type="checkbox"/> KHÔNG XÁC ĐỊNH..... 4 <input type="checkbox"/> 200 <input type="text"/>

CÂU HỎI/CÂU KIỂM TRA	CÂU TRẢ LỜI																																				
52. Ngôi nhà (cán hộ) này thuộc quyền sở hữu của ai? □	NHÀ RIÊNG CỦA HỘ 1 <input type="checkbox"/> NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA NHÀ NƯỚC 2 <input type="checkbox"/> NHÀ THUÊ/MƯỢN CỦA TƯ NHÂN 3 <input type="checkbox"/> NHÀ CỦA TẬP THỂ 4 <input type="checkbox"/> NHÀ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO 5 <input type="checkbox"/> NHÀ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN CÙNG LÀM 6 <input type="checkbox"/> CHƯA RÕ QUYỀN SỞ HỮU 7 <input type="checkbox"/>																																				
53. Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để thắp sáng là gì?	ĐIỆN LƯỚI 1 <input type="checkbox"/> ĐIỆN MÁY PHÁT 2 <input type="checkbox"/> DẦU LỬA 3 <input type="checkbox"/> KHÍ GA 4 <input type="checkbox"/> KHÁC 5 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)																																				
54. Loại nhiên liệu (năng lượng) chính mà hộ ông/bà dùng để nấu ăn là gì?	ĐIỆN 1 <input type="checkbox"/> DẦU LỬA 2 <input type="checkbox"/> GA 3 <input type="checkbox"/> THAN 4 <input type="checkbox"/> CỎI 5 <input type="checkbox"/> KHÁC 6 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ) KHÔNG DÙNG GÌ 7 <input type="checkbox"/>																																				
55. Nguồn nước ăn uống chính của hộ ông/bà là loại nào? □	NƯỚC MÁY VÀO NHÀ 1 <input type="checkbox"/> NƯỚC MÁY CÔNG CỘNG 2 <input type="checkbox"/> GIẾNG KHOAN 3 <input type="checkbox"/> GIẾNG ĐÀO ĐƯỢC BẢO VỆ 4 <input type="checkbox"/> GIẾNG ĐÀO KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ 5 <input type="checkbox"/> NƯỚC KHE ĐƯỢC BẢO VỆ 6 <input type="checkbox"/> NƯỚC KHE KHÔNG ĐƯỢC BẢO VỆ 7 <input type="checkbox"/> NƯỚC MƯA 8 <input type="checkbox"/> KHÁC 9 <input type="checkbox"/> (GHI CỤ THỂ)																																				
56. Hộ ông/bà sử dụng loại hồ xi nào là chính?	HỒ XI TỰ HOẠI/BÁN TỰ HOẠI TRONG NHÀ 1 <input type="checkbox"/> HỒ XI TỰ HOẠI/BÁN TỰ HOẠI NGOÀI NHÀ 2 <input type="checkbox"/> HỒ XI KHÁC 3 <input type="checkbox"/> KHÔNG CÓ HỒ XI 4 <input type="checkbox"/>																																				
57. Hiện nay, hộ ông/bà có sử dụng các loại thiết bị phục vụ sinh hoạt sau đây không: □	<table border="0"> <tr> <td></td> <td></td> <td>CÓ</td> <td>KHÔNG</td> </tr> <tr> <td>Ti vi?</td> <td>Ti vi</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Đài hoặc radiô/radiô cát-sét?</td> <td>ĐÀI (RADIO/RADIO CASSETTS)</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Điện thoại cố định?</td> <td>ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Máy vi tính?</td> <td>MÁY VI TÍNH</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Máy giặt?</td> <td>MÁY GIẶT</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Tủ lạnh?</td> <td>TỦ LẠNH</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Điều hoà?</td> <td>ĐIỀU HOÀ</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Mô tô hoặc xe gắn máy?</td> <td>MÔ TÔ/ XE GẮN MÁY</td> <td>1 <input type="checkbox"/></td> <td>2 <input type="checkbox"/></td> </tr> </table>			CÓ	KHÔNG	Ti vi?	Ti vi	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Đài hoặc radiô/radiô cát-sét?	ĐÀI (RADIO/RADIO CASSETTS)	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Điện thoại cố định?	ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Máy vi tính?	MÁY VI TÍNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Máy giặt?	MÁY GIẶT	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Tủ lạnh?	TỦ LẠNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Điều hoà?	ĐIỀU HOÀ	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>	Mô tô hoặc xe gắn máy?	MÔ TÔ/ XE GẮN MÁY	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>
		CÓ	KHÔNG																																		
Ti vi?	Ti vi	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Đài hoặc radiô/radiô cát-sét?	ĐÀI (RADIO/RADIO CASSETTS)	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Điện thoại cố định?	ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Máy vi tính?	MÁY VI TÍNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Máy giặt?	MÁY GIẶT	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Tủ lạnh?	TỦ LẠNH	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Điều hoà?	ĐIỀU HOÀ	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		
Mô tô hoặc xe gắn máy?	MÔ TÔ/ XE GẮN MÁY	1 <input type="checkbox"/>	2 <input type="checkbox"/>																																		



**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



**QUỸ DÂN SỐ
LIÊN HỢP QUỐC**